

# THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

## QUYỂN 4 (PHẦN CUỐI)

**Sớ:** Hai là tâm chợt hiện gặp cảnh vị.

**Hỏi:** Luận không có tâm chợt hiện, vì sao thêm vào?

**Đáp:** Chuẩn theo trong đoạn ở sau đã có ba vị, rõ ràng nay dù ở ba vị chẳng phải không có, cho nên nói “gặp” là bao hàm tâm chợt hiện. Có nghĩa, gặp chẳng phải cảnh thù thắng tức nhiếp chợt hiện, cần phải gặp cảnh chẳng phải thù thắng tâm chợt hiện vậy sau đó mới không tương tục. Nếu gặp cảnh thù thắng, tâm chợt hiện sau đó tương tục phát sinh. Nếu nói riêng tâm chợt hiện, tức hiển sau chợt hiện đều không tương tục, đã sau chợt hiện đều chẳng phải không tương tục, cho nên tức nhiếp ở trong vị thứ hai, do đây nên có bốn câu phân biệt:

1. Tâm thù cảnh thù thắng chẳng phải thù thắng, nghĩa là đối với cảnh yếu kém khởi tâm Đăng lưu.

2. Cảnh thù thắng tâm không thù thắng, nghĩa là đối với cảnh thù thắng khởi tâm chợt hiện.

3. Tâm cảnh đều thù thắng, nghĩa là đối với cảnh thù thắng khởi tâm Đăng lưu.

4. Điều chẳng phải thù thắng, đối với cảnh chẳng phải thù thắng khởi tâm chợt hiện. Chỉ có nương câu thứ tư nói không tương tục.

**Biện rằng:** Nghĩa sợ chưa hẳn như vậy, hiện thấy người có chủ ý thiên lệch. Tuy cảnh thù thắng đến không xả duyên trước, lẽ nào chẳng phải cảnh thù thắng tâm chợt hiện sau đó lại không tương tục sao? Tuy cảnh chẳng phải thanh, do tâm trước không thiên lệch nơi chú ý, gặp duyên tương tục không dứt, lẽ nào chẳng phải cảnh yếu kém tâm được tương tục? Do đây cho nên biết, dù ba vị phần nhiều không tương tục, chưa thể lấy đó làm câu số nhất định.

**Luận:** Nếu vị tự tại.

Bồ thí mà không ôm giữ gọi là tự tại, phạm sắp biến hiện tùy theo mong muốn mà thành, có chỗ quán sát không đâu mà không minh

ngộ.

**Sớ:** Địa thứ tám trở đi đều có thể mặc tình.

Căn cứ tự lợi mà nói, nếu căn cứ lợi tha, đối với thuốc và bệnh có chỗ chưa thông hiểu.

**Sớ:** “Vì chẳng phải lỗi này” đến “được tương tục”.

Vì không chỉ có lỗi thứ nhất này, mà có Đẳng lưu các vắn hỏi ở sau, vì sinh ở sau luận nên mới có lời nói này. Có bản sớ nói ban đầu, lý cũng được, nay theo chữ “này”.

**Sớ:** Thứ lớp tương tục sinh.

Nhân thức cùng ý rơi rụng trong quá khứ, ý sau tiếp tục khởi, ý rơi rụng xong, nhân v.v... lại cùng với ý thức tương tục khởi gọi là thứ lớp tương tục, chẳng phải riêng ý thức sau khi diệt chỉ một mình nhân sinh gọi là cùng tương tục, do năm thức cùng ý thức đồng thời khởi.

**Luận:** Hý vong thiên.

Xét trong Du-già ghi: Nghĩa là các cõi trời ở cõi Dục giới gọi là du hý vong niệm, các thiên chúng ấy hoặc có khi đắm trước vô số thú vui, trải qua thời gian lâu trụ tương tục, do trụ lâu nên quên mất chánh niệm, do quên mất niệm, nên từ cõi trời kia chết. Hoặc lại có cõi trời gọi là Ý phần, các thiên chúng kia có khi lần lượt lấy mắt nhìn nhau, do nhìn nhau nên ý giận tăng thêm, ý giận tăng thêm cho nên từ chỗ ấy chết. Lại xét trong Đối Pháp quyển 3 ghi: Thanh tịnh đã sinh, nghĩa là Du hý vong niệm, Ý tương tục oán, Lạc biến hóa thiên, Tha hóa tự tại, Sắc vô sắc giới chư thiên phần nhiều buông lung, nên tùy theo thích ứng ở cảnh thọ dụng và định sở trụ tự tại mà chuyển.

**Biện rằng:** Chuẩn theo luận Đối Pháp, Vong niệm, Ý phần, Biến hóa, Tha hóa thứ lớp mà nói, Vong niệm Ý phần tức đương thời phần và tri túc. Lại người phần giận là phần nhiều do cảnh sắc, Dục giới trở lên hai cõi trời đối với các thế thất không có nhiếp thuộc, do đâu nhìn nhau sinh tức giận? Vì sao biết được? Luận Du-già quyển 5 nói, ba châu nhiếp thọ thế nhiếp lập bày cưới gả, trừ ở Bắc châu vì không có ngã sở, như vậy Đại lực quỷ và trời Dục giới cũng vậy, chỉ có trừ Lạc hóa, và Tha hóa tự tại thiên đã không có nhiếp thuộc, lý lẽ ra không có nhìn nhau oán giận.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Do hai cõi trời này ngoại cảnh phần nhiều biến hóa, cho nên nội tình cũng không phối hợp, do đây lấy hai cõi không thiên ở dưới, không trái tự tha hại v.v... bốn câu, cũng thuận Đối Pháp, lý lẽ ra không lỗi.

Hỏi: Vì sao trong Trí luận ghi: Trong sáu tầng trời cõi dục lại riêng có cõi trời gọi là Hý vong niệm, Tâm sân thiên?

Đáp: Tuy ở chặng giữa, ngại gì được thuộc về hai cõi trời này. Trong Trí luận tự nói đều thuộc sáu cõi trời, cũng còn trong Phạm vương, thiên giả sơ định nhiếp, hoặc thông sáu cõi trời, trong Trí luận nói các cõi trời đều thuộc sáu cõi trời, trong Du-già lại nói chư thiên Dục giới, cho nên có thể thông sáu.

Hỏi: Nếu vậy bốn câu lẽ nào không trái ư?

Đáp: Chẳng phải sáu cõi trời kia đều là Hý và Phẫn, lấy đùa giỡn giận ấy gọi là tự hại, như gọi chung là người, duy chỉ có Phật sai khiến v.v... mới đủ không hại, sáu cõi trời tuy bao gồm các cõi trời, chỉ có đùa giỡn giận, là chỉ có tự hại cũng nào có trái với lý, y thật hữu tình ít phần mà nói, hai cõi Không cư cũng có nhiếp thọ, như Ma vương nữ quy thuộc về ma.

**Luận:** “Cho nên Du-già” đến “gọi là ý căn”.

Sư thứ hai giải thích văn có hai đoạn: một là chánh ngược lại ba vị để phá, hai là dẫn Du-già làm chứng. Sở nói dẫn chứng thuộc văn thứ ba, nay không y cứ. Dẫn văn Du-già chứng năm thức được dùng tự loại làm y, không chứng thứ ba vì gặp cảnh thù thắng.

**Biện rằng:** Xem qua thể của luận, thật có lý này, nếu xét lý tìm văn thì sở là chính, vì sao? nêu cảnh tăng thanh chứng năm tương tục. Dẫn trong Du-già tự loại làm y, lẽ nào không hiển bày năm là tương tục? Nên ở sau kết luận rằng nên biết năm thức có nghĩa tương tục, tuy lại ba nhân đều nói tương tục, tùy tự nhân trở xuống văn có dẫn làm chúng riêng, đây cũng đâu có lỗi gì?

**Sớ:** “Tuy ngay sáu thức” đến “thật chẳng phải Thức thứ bảy”.

Thể bình đẳng trí tuy là thứ bảy, do chuyển bỏ Mạt-na nhiễm ô kia, trí này mới được, nên từ nơi chỗ chuyển Thức thứ bảy thành tên.

Hỏi: Vì sao Thức thứ bảy vô trí gọi là bình đẳng?

Đáp: Do ngã vô ngã, có bình không bình, cho nên Thức thứ bảy ngã hết, bình đẳng mới lập.

**Luận:** Hoặc do bi nguyện tương ưng thiện tâm.

Xét luận Du-già quyển 59 ghi: Trí sở dẫn phát kết sinh tương tục, nghĩa là các Bồ-tát. Lại có nghĩa lợi năng dẫn phát kết sinh tương tục, nghĩa là trí sở dẫn phát kết sinh tương tục. Lại Tập luận quyển 3 ghi: Đã được cứu cánh Bồ-tát Ma-ha-tát v.v... nương sức đại bi nguyện nên sinh trong các cõi. Lại Đối Pháp ghi: Nếu các Bồ-tát nguyện lực thọ sinh, các tâm mạng chung nên biết tất cả thuần là thiện. Sở chủ giải thích:

Nếu phần đoạn, biến dịch cũng do hai trí thiện tâm làm duyên Thức thứ tám được khởi. Nói hai trí tức trí tương ứng của Thức thứ bảy, thứ sáu. Có nghĩa chỉ lấy Thức thứ sáu là thù thắng.

**Biện rằng:** Lấy cả hai mới là tốt, lấy đâu làm chứng? Đáp: Xét trong luận Phật Địa quyển 5 ghi: Không đợi đại bi bình đẳng pháp tánh, Như Lai đại bi cứu giúp khắp tất cả hữu tình duyên thông ba cõi. Lại nói, tùy theo những điều các chúng sinh ưa thích mà thị hiện, bình đẳng pháp tánh là tùy theo các hữu tình ưa thấy sắc thân sai biệt mà Như Lai thị hiện.

**Giải thích:** Đã nói Bồ-tát đối với Thập địa, một địa được một địa, rõ biết mà dụng bình đẳng tánh trí làm duyên thọ sinh mà cứu vật, nếu không như vậy tại sao mỗi địa được chứng đắc? Trong phần giải thích nói Đức Phật nêu thành tựu là hiển phần chứng đắc kia, cho nên không trái nhau, như ở sau có dẫn rộng.

**Luận:** “Khai đạo y” đến “chẳng phải tâm sở”.

Trong đoạn này nói, Khai đạo y đến gọi là Khai đạo y là biện về nghĩa của y, đây chỉ thuộc tâm trở xuống, chỉ bày y thể kia ngăn lựa chọn chẳng phải y, ban đầu biện nghĩa y có bốn nghĩa lựa chọn, tâm sau giai đoạn này là nghĩa thứ tư, lựa chọn tư hiển thức tâm sau không làm chỗ nương của tâm trước, vì không dẫn dắt, hoặc tuy tâm này đồng thời không làm sở y của tâm sở, chẳng phải khai tránh cho nên lại nói ở đây. Tâm diệt trước này, sau tâm sở sinh và tâm sở làm y, nhưng thành bốn nghĩa, lẽ nào là thù thắng?

**Biện rằng:** Nói Đẳng vô gián lý nào không ngăn tự hiển bày tâm sau đồng thời tâm sở? Lẽ nào lại có thừa nhận tâm sau làm trước và đồng thời sở vô gián duyên ư? Lại nghĩa thứ tư lựa chọn các tâm sau, thứ ba là lựa chọn pháp nào? Nên ba nghĩa thù thắng. Lại nói “đây” là tâm diệt trước này, ý tức có thể thông, căn cứ văn không thuận, trong văn không nói tâm trước diệt, làm sao gọi là “đây”? Cho nên nay nên nói ở tâm sau này gọi là Khai đạo y là biện về danh nghĩa của nó, đây nói trước đầy đủ ba nghĩa pháp, đây chỉ thuộc về tâm trở xuống, đưa ra thể để ngăn những thứ khác.

**Sớ:** Lựa chọn dị loại thức khác.

Tự tâm tám thức gọi là dị loại.

**Luận:** “Lại Thánh giáo” đến “tâm tâm sở”.

Xét luận Du-già quyển 38, Đẳng vô gián duyên và Sở duyên duyên chỉ có mong tất cả tâm pháp mà nói, do tất cả tâm và tâm pháp đó trước khi sinh thì thuộc về Khai đạo, thuộc về cảnh giới sở duyên

mới sinh mới chuyển.

**Luận:** “Nhưng Nhiếp Đại thừa” đến “vì đoạt nhân duyên”.

Xét trong Nhiếp luận của Vô Tánh ghi: Nghĩa là sư Kinh bộ khởi chấp như vậy: sắc, tâm vô gián sinh, nghĩa là các sắc tâm trước sau thứ lớp tương tục mà sinh, chũng tử các pháp này là các Hữu vi sinh nhân tánh, nghĩa là chấp và nói như vậy, từ sắc sát-na trước, sắc sát-na sắc sau vô gián mà sinh, từ tâm sát-na trước tâm sát-na sau và tương ứng pháp vô gián mà sinh. Trong đây nhân quả đạo lý thành tựu, cần gì lại chấp A-lại-da thức là nhân các pháp? Vì ngăn chấp này, nên kể đó nói, đây không được thành như trước đã nói, như nói hai niệm không câu hữu v.v... lại có lỗi gì? Nghĩa là khi Vô sắc diệt sắc giới sinh, chũng tử sắc trước năng sinh sắc nay, lý không được thành, vì đoạn diệt từ lâu. Từ Vô tướng chết, khi tâm tướng sinh và khi diệt định v.v... xuất tâm sinh, chũng tử tâm trước năng sinh tâm sau, đều không đúng lý, vì đoạn diệt từ lâu. Lại nếu lia câu sinh, câu diệt đó, nhiếp thọ chũng tử tương ưng đạo lý, nhưng chấp chỉ có tâm sát-na trước hay làm chũng tử dẫn sinh vô gián, tâm sát-na sau tức A-la-hán tâm sau không thành, không nên được nhập Vô hay Hữu dư y Niết-bàn, do tâm sau hay làm chũng tử Đẳng vô gián duyên sinh tâm khác, như vậy thì phải không có lỗi Vô dư y Niết-bàn. Thế nên sắc tâm trước sau cùng sinh, nhưng chấp nhận có Đẳng vô gián duyên và Tăng thượng duyên, không có nhân duyên. Giải thích sắc tâm trước sau đều tự tướng sinh, chẳng phải hỗ tương sinh làm Vô gián duyên.

**Luận:** “Tuy tâm, tâm sở” đến “pháp khác cũng khai đạo”.

Xét luận Du-già ghi: Như trong kinh nói bốn Vô sắc uẩn này phải nói hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp, không thể nói các pháp như vậy có thể phân tích khiến nó sai biệt.

Hỏi: Vì sao pháp dị tướng ấy thành tựu mà nói hòa hợp không sai biệt ư?

Đáp: Đông nhiều hòa hợp, đối cảnh sở duyên thọ dụng lãnh hiểu mới viên mãn, nếu không như vậy thì tùy theo thiếu một loại, đối với việc làm lẽ ra không viên mãn.

**Luận:** “Vô tâm vị” đến “tức tự loại ở trước”.

Trong Đối Pháp đồng với đây, xét luận đó quyển 5 ghi: Đẳng vô gián duyên nghĩa là trong đó không gián cách, không gián đoạn.

Giải thích: Luận nói chưa hẳn trong sát-na gián cách, tuy cách sát-na, nhưng ở trung gian không khác tâm gián cách, cũng gọi là trong đó không gián cách, nếu không như vậy tâm nhập vô tâm định, mong tâm

xuất định lẽ ra chẳng phải Đẳng vô gián duyên, nhưng là duyên kia, thế nên ở trong một tương tục, tâm trước mong tâm sau, trung gian không còn tâm gián cách là Đẳng vô gián duyên.

Giải thích Vô dư tự loại tâm lại ngăn cách, tức tự loại khác tuy là đồng mà chẳng phải tức đây, cũng gọi là dị. Nếu nói dị thức gọi là cái khác dị, trụ vô tâm vị có Thức thứ bảy, thứ tám gián cách, làm sao được nói nhập xuất hai tâm vô gián? Cho nên giải thích như trước.

**Luận:** “Trước khi diệt” đến “làm Khai đạo y”.

Hỏi: Trước vặn hỏi Tiểu thừa hành duyên ở thức, thời phần ngăn cách nghĩa vô duyên, nay đồng với nó nên không thể khai?

Đáp: Luận về khai đạo, trước khai đường ấy sau dẫn khiến sinh, nay tránh đường ấy là thi thiết công rồi, do đây sau khởi mà không thấy ngăn, dù nói thời gian dài cố nhiên cũng không có lỗi, không đồng với quá khứ ấy làm duyên, pháp quá khứ nghĩa vô duyên làm sao lập?

**Sớ:** “Hỏi như trong kinh Giải Thâm Mật” đến “nay vì sao giải thích ngược lại”.

Đây là số các giáo, trong Nghĩa Đẳng trước sau thường dẫn. Nhưng người xướng đạo đến khi luận cứ gỡ ra xem, chẳng phải không nhọc tinh thần, nay lược nêu lại. Sư thứ nhất vặn hỏi rằng: Trong Du-già quyển 1 ghi: Nghĩa là nhãn thức sinh ba tâm có thể được, tâm chợt hiện, tâm tìm cầu cho đến quyết định. Lại quyển 3 ghi: Lại trong một sát-na năm thức sinh rồi, từ vô gián này ất ý thức sinh, đây tức năm thức dẫn sinh ý thức. Lại sư thứ nhất và sư thứ hai vặn hỏi rằng: Trong Du-già lại nói sau tâm quyết định mới có nhiễm tịnh, sau đó mới có Đẳng lưu, nhãn thức thiện bất thiện chuyển. Lại trong kinh Giải Thâm Mật v.v... cũng nói năm thức do y dẫn, đây tức năm thức do ý dẫn sinh. Sư thứ hai nói: Lại như trong Nhiếp luận và Trang Nghiêm luận, kinh Phật Địa, ý các bộ đều nói chuyển Thức thứ bảy được Bình đẳng trí, chuyển Thức thứ tám chứng Viên cảnh trí, đây tức do pháp Thế đệ nhất ý Thức thứ sáu dẫn sinh Bình đẳng tánh trí tương ứng tịnh thức, hai trí Quán sát và Bình đẳng tương ứng Thức thứ sáu, thứ bảy, dẫn sinh cảnh trí tương ứng tịnh thức. Lại Dị thực thức y ý nhiễm ô, như trong Đối Pháp nói, hoặc nương bi nguyện tương ứng thiện tâm, đây tức Hữu lậu Vô lậu Thức thứ sáu, thứ bảy dẫn Hữu lậu Thức thứ tám.

**Sớ:** Như một pháp chưa đạt chưa khắp biết ý.

Vô Trước nói Thức thứ tám không nói cho Tiểu thừa, Vô Tánh nêu bên ngoài, lấy kinh làm vặn hỏi mà thông suốt. Nay lược dẫn rằng, bản luận ấy ghi: Lại nữa vì sao trong Thanh văn thừa không nói tâm

này gọi là A-lại-da thức, A-đà-na thức? Do đây thuộc cảnh thâm tế. Vô tánh lập bên ngoài dẫn kinh vặn hỏi rằng: Như nói ngã không nói một pháp chưa thông đạt chưa biết khắp v.v... là giải thích ý người ngoài vặn hỏi rằng, Lại-da thâm tế không nói cho Tiểu thừa, tức hàng Tiểu thừa không thấy Thức thứ tám, làm sao đoạn hoặc, thành A-la-hán? Như Thế Tôn nói: Ta không nói một pháp chưa thông đạt chưa biết khắp thành A-la-hán, Ta chỉ nói tất cả pháp đã thông đạt đã biết khắp mới có thể đoạn hoặc thành A-la-hán.

**Giải thích:** Đã nói biết khắp mới thành A-la-hán, La-hán tại sao không thể nghe Thức thứ tám? Thức thứ tám nếu không nghe tức chẳng phải biết khắp, làm sao gọi là Vô học? Tiến thoái đều có lỗi.

Luận này mật ý nói không đoạn phiền não, lấy thanh và tướng biệt để nói chỗ tổng tướng, có hai nghĩa để đáp lời hỏi đó. Giải thích thứ nhất căn cứ Chân đế giải thích thanh là danh, xứ là nghĩa, chân lý Sinh không gọi là nghĩa tổng tướng, lấy tên gọi một pháp biệt tướng ấy nói về lý tổng tướng Sinh không, cho nên gọi là là mật. Ý kinh tổng nói, nếu lý sinh không chưa được Vô gián, Giải thoát hai đạo thông đạt biết khắp, không thể đoạn hoặc thành A-la-hán, không nói tất cả đều phải rõ biết mới đoạn và chứng quả, do đây Thức thứ tám La-hán không biết cũng không có lỗi.

Người ngoài vặn hỏi rằng, vì sao biết được biệt thanh nói tổng? Vô Tánh đáp: Chẳng phải các phiền não có đoạn sai khác.

**Giải thích:** Trí biệt tướng duyên các pháp như sắc v.v... gọi là mỗi mỗi sai khác, phiền não đã chẳng phải trí biệt tướng đoạn, cho nên biết kinh nói thông đạt biết khắp là trí tổng tướng.

Hỏi: Lấy biệt nêu tổng, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Hiện tổng là tánh chân thật của biệt. Luận hoặc lấy các hành cộng tướng vô thường.

Giải thích thứ hai y Tục đế giải thích hàng Nhị thừa nương mười sáu hành mà quán bốn đế, Lại-da đã ở trong khổ đế, vô thường v.v... các hành cũng bao gồm trong Thức thứ tám. Căn cứ cộng tướng Nhị thừa này cũng biết, cho nên Thánh giáo đứng về hai tướng cộng bất cộng mà nói biết và không biết.

**Sớ:** Tức là các nghĩa không duyên chủng tử.

Nếu các nhà duyên chủng tử cho rằng nương duyên đồng, lựa chọn vô gián đã xong, không cần nói về thù thắng mà lựa chọn lại, vì nghĩa rõ ràng nhất định, do đây nên biết chẳng phải là nghĩa ấy.

**Luận:** Luận nói Mật-na ngã ngã sở chấp vì hàng tương ứng.

Tức luận Du-già quyển 63 ghi: Mạt-na gọi là ý, trong tất cả thời chấp ngã ngã sở và ngã mạn v.v... so lường làm tánh.

Lại xét trong Đối Pháp quyển 2 ghi: Ý nghĩa là tất cả thời duyên A-lại-da thức suy lường làm tánh, cùng bốn thứ phiền não hằng tương ứng, nghĩa là ngã kiến, ngã mạn, ngã ái, vô minh. Chuẩn theo luận Đối Pháp, vô ngã, ngã sở chỉ có thể chứng sở duyên của ý.

**Sớ:** Không thể duyên nó lập nghĩa này.

Nó ở đây là cảnh, nghĩa là ngã sở.

**Sớ:** Nên biết ngã cảnh v.v...

Ngã tức là cảnh vì Mạt-na duyên.

**Luận:** Tương kiến đều lấy thức làm thể.

Có nghĩa ngay tự thể của tâm gọi là kiến phần, chẳng phải kiến phần thứ hai trong bốn phần. Thế Thân đồng thời chỉ có hai phần.

**Sớ:** Năm thức cũng vậy, vì là cảnh Đẳng lưu.

Nói Đẳng lưu là nghĩa tương tự, cảnh sở duyên bản chất của Thức thứ bảy, thứ năm đều thuộc tương phần của bản thức.

**Sớ:** Nếu nói thể của thức năng sinh.

Lẽ nào các pháp như sắc v.v... thể chẳng phải năng sinh? Đáp: Thức là các bản khác năng biến sinh cái khác, sắc v.v.. thì không như vậy.

**Luận:** Luận nói chủng tử có thật vật.

Xét trong Đại luận quyển 52 ghi: Vì sao lược nói an lập chủng tử? Nghĩa là trong A-lại-da thức, tất cả các pháp biến kế tự tánh vọng chấp tập khí, đây gọi là an lập chủng tử. Nhưng tập khí này là có thật vật là Thế tục có, đứng về các pháp ấy không thể nhất định nói tướng khác, chẳng khác, cũng như Chân như.

Lại trong Nhiếp luận quyển 2 ghi: Lại nếu lược nói A-lại-da thức dùng tất cả chủng tử dị thực thức làm tự tánh của nó. Lại nói, A-lại-da thức là thật chủng tử, là tánh nhân duyên thật của tất cả chủng tử. Chuẩn theo đây nhiều văn nói chủng tử là có.

Hỏi: Nếu thật có vì sao luận Du-già quyển 52 nói, lại nữa chủng tử tại sao không phân tích các hành riêng có thật vật gọi là chủng tử, cũng chẳng phải chỗ khác? Nhưng ngay các hành chủng tánh như vậy, đẳng sinh như vậy, an bố như vậy gọi là chủng tử. Như các vật lúa bắp đã có các chủng tử như mầm, cọng, lá v.v.. ở trong vật ấy so lường phân tích, tìm chủng tử khác rõ ràng không thể được, cũng chẳng phải chỗ khác, nhưng các đại chủng chủng tánh như vậy, đẳng sinh như vậy, an bố như vậy, các vật lúa bắp có thể làm các duyên khiến các thứ được sinh gọi



là chủng tử. Lại nói, là thế tục có. Lại trong Nhiếp luận quyển 2 ghi: Chẳng phải chủng tử ấy có thật vật sai khác trụ ở trong này, cũng chẳng phải chẳng khác. Hai luận đều nói không có thật vật khác, lại nói thế tục, làm sao nhất định xác quyết luận nói thật có?

Đáp: Thế tục nói có, chẳng phải nhất định nêu giả, như ở sau luận có giải thích, nhân quả đạo lý chẳng tức chẳng khác, vì đối với dị thực nhân quả nhất định khác, nên nói không khác. Lại không đồng các pháp tâm, sắc của hiện hành duyên lự, chất ngại, nói không có thật khác, nên không trái.

**Luận:** Vì tợ thường một.

Y trong số đã lựa chọn có thể làm bốn câu: một tợ thường chẳng phải một, Thức thứ tám tâm sở; tợ một chẳng phải thường, nhân v.v... chuyển thức; tợ một tợ thường, thể thức Lại-da; chẳng phải tợ một thường, chuyển thức chung các chủng sắc v.v...

Hỏi: Ngã còn là nghĩa chủ, có thể chấp một chấp thường, ngã sở thì không như vậy chấp nhiều có lỗi gì? Như chấp các uẩn ngã là một sở là bốn, đây vì sao không đúng?

Đáp: Câu sinh phân biệt vì có sai khác, lại tuy câu sinh duyên trong ngoài sai khác, sao được làm ví dụ.

**Số:** Là ngã của ngã.

Như số có bốn giải thích. Ở đây có hai giải thích:

1. Ngã hiển bày Thức thứ bảy chấp Thức thứ tám làm ngã, ngã là hiển nghĩa Thức thứ bảy lại không chấp các thức khác, chỉ có chấp Thức thứ tám lấy đó làm ngã.

2. Ngã là nghĩa lựa chọn ngã của ngã khác, nghĩa là lựa chọn chẳng phải ngã.

**Biện rằng:** Lại thêm một giải thích, nói Thức thứ bảy chấp sở chấp ngã là ngã thừa nhận ngã, trước là ngã Thức thứ bảy tạm gọi là ngã, sau ngã Thức thứ tám tức ngã sở chấp, là cùng thừa nhận ngã ý tương tợ.

**Luận:** Nhiều chỗ chỉ nói có ngã kiến.

Xét trong Đại luận quyển 51 ghi: A-lại-da thức hoặc vào một thời chỉ có cùng một loại chuyển thức câu chuyển, đó gọi là Mạt-na, vì sao? Do Mạt-na ngã chấp mạn v.v... này hằng cùng tương ứng suy lường hành tướng, nếu có tâm vị hoặc không tâm vị, thường cùng A-lại-da thức đồng thời câu chuyển, duyên A-lại-da thức dùng làm cảnh giới, chấp ngã khởi mạn suy lường hành tướng. Lý của Hiền Dượng như số dẫn đủ.

**Sớ:** Tức trừ bốn hạng người v.v...

Tam thừa Vô học, bất thối Bồ-tát bốn hạng này quyết định không duyên tạng thức cho nên trừ. Ngoài bốn người này có duyên, không duyên phải nên phân biệt, phân biệt nên biết Hữu lậu, Vô lậu duyên, không duyên.

**Luận:** Chứng đắc mười loại bình đẳng tánh.

Như luận Phật Địa đều nói đủ, nay nêu lại kinh ấy lược dẫn luận giải thích.

**Kinh:** Lại nữa Diệu sinh bình đẳng tánh trí, do mười chủng tướng viên mãn thành tựu.

**Luận:** Phải biết tức là tu quả Thập địa, trong mỗi mỗi địa lược nói, đều chứng một tánh bình đẳng tu tập viên mãn thành tựu Phật địa.

**Kinh:** Chứng đắc các tướng, tăng thượng, hỷ ái bình đẳng pháp tánh.

**Luận:** Nghĩa là tướng, và các tướng tùy hình hảo của các Đại sĩ sai biệt nên đều gọi là tướng, các tướng như vậy xa lìa biến kế sở chấp tự tánh gọi là Bình đẳng. Tăng thượng nghĩa là phú quý tự tại, sắc v.v... các uẩn đều sai biệt đều chẳng phải phú quý tự tại, hòa hợp cũng chẳng phải phú quý tự tại, lìa kế sở chấp gọi là Bình đẳng. Hỷ ái là do sức biến kế thuận pháp ấy phát sinh hoan hỷ, trái pháp kia phát sinh lo lắng, biến kế sở chấp các pháp không có, đối với kế sở chấp hỷ ái cũng không nên gọi là Bình đẳng. Thông đạt và hiểu các tướng, tăng thượng, hỷ ái bình đẳng pháp tánh như vậy nên gọi là chứng đắc. Sơ địa Bồ-tát chứng đắc đầu tiên, trong những địa sau lần lần phước thiện tu khiến tăng trưởng, Phật địa sau cùng viên mãn thành tựu.

**Kinh:** Chứng đắc tất cả lãnh thọ duyên khởi bình đẳng pháp tánh.

**Luận:** Duyên khởi có hai, nghĩa là bên trong và bên ngoài, duyên khởi bên trong nghĩa là vô gián v.v... mười hai hữu chi, duyên khởi bên ngoài nghĩa là giống mầm v.v... tất cả ngoại vật, hai duyên này khởi tất cả đều do nhân có nên quả có, nhân sinh nên quả sinh, không có nghĩa tác dụng, nghĩa của không vô ngã, không có nghĩa Bồ-đặc-già-la, là nghĩa duyên khởi, các nghĩa như vậy duyên khởi tự tướng là chỗ lãnh thọ, nên gọi là lãnh thọ. Duyên khởi v.v... nghĩa lìa kế sở chấp gọi là Bình đẳng, thông đạt và hiểu biết tất cả lãnh thọ duyên khởi bình đẳng pháp tánh đã nói như vậy gọi là chứng đắc.

**Kinh:** Chứng đắc xa lìa dị tướng phi tướng bình đẳng pháp tánh.

**Luận:** Các pháp như sắc v.v... là tướng biến hoại, không tướng

tợ nên gọi là dị tướng, xa lìa như vậy đều là tướng sai biệt tức là cộng tướng. Cộng tướng như vậy lấy gì làm tướng? Lấy phi tướng làm tướng, như trong Khế kinh nói, tất cả pháp tánh chỉ có một tướng. Cái gọi là phi tướng, phi tướng tức là pháp tánh bình đẳng, thông đạt và thấu tỏ kể sở chấp như vậy pháp rốt ráo hằng không có pháp tánh bình đẳng, nên gọi là chứng đắc.

**Kinh:** Rộng cứu độ đại từ bình đẳng pháp tánh.

**Luận:** Từ có ba loại, nghĩa là hữu tình, pháp và vô duyên từ, do ba loại này bình đẳng cứu tế tất cả hữu tình, không đồng phạm phu và Nhị thừa nên gọi là đại từ. Cứu độ tất cả, thời gian dài tích tập phước tuệ thành mãn cho nên gọi là rộng cứu độ, như vậy đã nói rộng cứu độ đại từ, khắp tất cả xứ vô sai biệt chuyển, nên gọi là bình đẳng. Rộng cứu độ đại từ bình đẳng pháp tánh là sở duyên, đứng về cảnh cho nên gọi là Bình đẳng pháp tánh.

**Kinh:** Không đợi đại bi bình đẳng pháp tánh.

**Luận:** Thanh văn v.v... bi không thể cứu giúp tất cả hữu tình, hình tướng chút phần tạm thời mà chuyển, Như Lai đại bi khắp cứu giúp tất cả hữu tình, thông duyên ba cõi, khắp đủ hành tướng hằng thời mà chuyển, không có sở quán đãi hằng cứu giúp không xả, tùy chỗ thích ứng cứu giúp hữu tình bị khổ trong ba cõi, không đợi đại bi vô sai biệt chuyển, nên gọi là Bình đẳng. Đây tức pháp tánh, hoặc duyên pháp tánh bình đẳng làm cảnh.

**Kinh:** Tùy theo nhưng cái vui của chúng sinh, thị hiện pháp tánh bình đẳng.

**Luận:** Tùy theo các hữu tình ưa thấy sắc thân của Như Lai sai biệt, Như Lai thị hiện sắc thân như vậy, như vậy thị hiện tất cả hình tướng bình đẳng của Đức Như Lai, bình đẳng như vậy tức là pháp tánh bình đẳng, thế nên gọi là pháp tánh bình đẳng.

**Kinh:** Tất cả chúng sinh kính thọ pháp tánh bình đẳng đã nói.

**Luận:** Nếu có chủng loại ngữ nghiệp như vậy, hay khiến loài hữu tình thiện căn thành tựu, nghe sinh hoan hỷ được sự ưa thích tịnh tín, Như Lai liền thị hiện ngữ nghiệp như vậy khiến họ được nghe. Như Lai nói ra tất cả ngữ ngôn thích hợp căn cơ, các trời người đều không trái nghịch nên gọi là kính thọ. Tuy có chúng sinh không thuận lời Phật, đây là hóa tác, hoặc sẽ có lợi ích sau ắt tin thọ, căn cứ nơi tổng mà nói nên nói tất cả kính thọ pháp đã nói, ngôn ngữ như vậy, do đạo lý trước chư Phật đồng thị hiện nên gọi là bình đẳng, bình đẳng như vậy gọi là pháp tánh.

**Kinh:** Thế gian tịch tịnh đều đồng một vị pháp tánh bình đẳng.

**Luận:** năm uẩn Hữu lậu gọi là thế gian; niệm niệm, đối trị hai loại hư hoại.

**Giải thích:** Một là Hữu vi nên niệm hoại, hai là Hữu lậu nên đối trị hoại, chỉ có khổ tập đủ cả hai hoại này.

**Luận:** Tức nó dứt diệt gọi là tịch tịnh.

**Giải thích:** Nó tức là hai pháp khổ tập ấy.

**Luận:** Do đây đối với đây mà tịch tịnh, tức là Thánh đạo cho đến Niết-bàn, y tha khởi tánh thế giới tịch tịnh đồng quy về Chân như viên thành thật tánh, nên gọi là một vị, đây gọi là pháp tánh bình đẳng.

**Kinh:** Các pháp khổ vui thế gian một vị pháp tánh bình đẳng.

**Luận:** Các pháp thế gian lược có tám loại, đó là lợi, suy v.v... như vậy tám loại đều có hai phẩm, bốn vị nghịch gọi là khổ, bốn thuận gọi là lạc, vì sinh ưa thích, nơi bậc Thánh ở hằng thường một vị, đắc lợi không cao, gặp suy không thấp, như vậy nhĩn đến vui mà không ái, khổ mà không sân, do xa lìa biến kế sở chấp tám pháp thế gian, ở tất cả chỗ đều đồng một vị, tức đây gọi là Bình đẳng pháp tánh.

**Kinh:** Gieo trồng vô lượng công đức cứu cánh bình đẳng pháp tánh.

**Luận:** Công đức tức là các công đức pháp Bồ-đề phần, huân tu trưởng dưỡng thành tựu giải thoát gọi là gieo trồng, Bình đẳng tánh trí tuy không phân biệt, do sức trí tăng thượng của Phật, Bồ-tát, giống như ngọc châu Như ý khiến công đức trong thân khác sinh trưởng thành tựu giải thoát. Nói cứu cánh là hay được Niết-bàn của Tam thừa, trí như vậy gọi là bình đẳng pháp tánh, xa lìa tánh biến kế sở chấp.

**Sớ:** Thật tư lương ấy chỉ là hành tướng.

Tự thể phần của thức thật chẳng phải tư lương, nay nêu hành tướng kiến phần tư lương hiển bày tự thể ấy.

**Hỏi:** Làm sao hiển bày?

**Đáp:** Thể tư lương này gọi là tư lương, nêu ngọn hiển gốc như cây có hoa quả.

**Sớ:** Thể ấy tức là thuộc về thức uẩn.

**Hỏi:** Lẽ nào hình tướng ấy chẳng phải thức uẩn sao?

**Đáp:** Tuy cũng là thức uẩn, ngăn vắn hỏi ấy mà có lời này, vì người ngoài vắn hỏi cho rằng hành tướng tư lương so với tư cũng đâu có khác, nên nay đáp rằng: Thể của hành tướng đã là thức uẩn, tướng cũng đồng, tư tức là hành uẩn nên không thể cùng ví dụ.

**Luận:** Do đây bao gồm giải thích sở lập tên khác.

Tâm, ý, thức cả ba đều có chung riêng, nếu duyên lự gọi là tâm, y chỉ gọi là ý, liễu biệt gọi là thức, đây là tên chung, tám thức đều có ba tên này. Nếu tích tập gọi là tâm, tư lương là ý, liễu thô gọi là thức, chính là tên riêng, như thế riêng thuộc về Thức thứ tám, thứ bảy, thứ sáu.

Hỏi: Tâm hành tướng là A-lại-da ư?

Đáp: Là duyên lự.

Hỏi: Vì sao ý dùng biệt tướng làm hành, tâm thông hành sao?

Đáp: Có nghĩa tuy nêu tổng gọi là tức tên riêng, như mười một sắc, sắc được tên.

**Biện rằng:** Đây không thể ví dụ, sắc không có tên gọi khác, không đồng như hương, nên lấy tên chung để nêu tên riêng. Tâm có tên riêng, đâu được nêu bày đồng? Nên nay giải thích rằng: Hành tướng cần gì lấy tướng riêng, lấy tên chung cũng đâu có lỗi gì. Trước giải thích Thức thứ tám liễu biệt làm hành, cũng lấy tên chung, nên không cần nêu bày, tùy theo thích ứng mà nói.

**Luận:** “Vị chưa chuyển y” đến “vì không có ngã tướng”.

Xét luận Du-già quyển 63 ghi: Nếu Mạt-na kia ở trong tất cả thời tư lương làm tánh, tương tục mà chuyển, như Thế Tôn nói, xuất thế Mạt-na làm sao kiến lập? Gọi là giả thi thiết ắt chẳng như nghĩa.

Lại vì đối trị viễn ly điên đảo chánh tư lương kia.

Giải thích: Trong đây ý vấn hỏi, nếu bốn hoặc đều hằng tư lương, tức là vị xuất thế mà không có bốn hoặc, lại không có tư lương, sao gọi là Mạt-na? Ban đầu đáp ý, phạm lập gọi đó là giả thi thiết, chưa hẳn xứng hợp nghĩa, cho nên ý xuất thế tuy không tư lương cũng được gọi là ý, so với sở có hơi khác.

**Luận:** Bốn hoặc này thường khởi, nhiều loạn uế trước nội tâm.

Nghĩa trong tâm tướng truyền có hai giải thích:

1. Thế nội tâm tức là Thức thứ tám, do Thức thứ bảy tương ứng bốn hoặc, duyên Thức thứ tám khiến thành Hữu lậu nên gọi là nhiều loạn uế trước.

2. Nội tâm tức là Thức thứ bảy, do tương ứng hoặc mà thành nhiễm ô gọi là nhiều loạn uế trước.

**Biện rằng:** Nay đồng với giải thích sau, vì sao? Đáp: Nói nhiều loạn nội tâm khiến ngoài chuyển thức hằng thành tạp nhiễm, mà không do Thức thứ tám, thứ bảy có khả năng làm. Lại giải thích riêng, trong tâm cùng lấy Thức thứ tám, thứ bảy, Thức thứ tám do đó thành Hữu lậu.

**Sớ:** “Nói bốn loại ái” đến “bảy mạn phân biệt”.

Nhiếp nhau như trong Nghĩa Đăng, nói đủ bốn ái như trong Pháp Hoa, Nhiếp Thích quyển 3, quyển 4.

**Luận:** “Luận Du-già” đến “lẽ nào không trái nhau”.

Xét quyển 58 ghi: Tham nhiễm khiến tâm thấp hèn, kiêu mạn khiến tâm cao ngạo, thế nên tham và mạn lại càng trái nhau. Xét hai bản luận đều là quyển 58, số nói quyển 55 là người kiểm xét văn nhầm.

**Luận:** “Phân biệt câu sinh” đến “nghĩa trái ngược”.

Xét quyển 55 nói tham sân hỷ tương không có, đây nếu cùng với ngã mạn, ngã kiến, nghĩa là khi nhiễm ái hoặc cao ngạo hoặc tìm cầu, thì mạn và kiến hoặc lại tương ứng, nghĩa là khi cao ngạo lại suy cầu tà. Xét hai bản luận đều là quyển 55, số nói quyển 58 sợ rằng người kiểm xét nhầm. Lại xét trong Đối Pháp quyển 6 nói, nghĩa là tham không cùng sân tương ứng, như sân nghi cũng vậy, còn lại đều tương ứng, nên biết tham cùng ngã kiến, ngã mạn tương ứng. Lại nói, ngã kiến ngã mạn không được cùng sân nghi tương ứng, không chướng ngại ngã kiến ngã mạn tự tương ứng.

**Số:** Văn cùng luận có sai khác.

Cùng với quyển 3 trước đã nói văn có sai khác.

**Số:** Cùng Thức thứ tám lựa chọn thì đồng.

Đồng với lựa chọn ấy bỏ biệt cảnh, thiện, tùy hoặc, bất định.

**Luận:** “Định chỉ có buộc tâm” đến “sát-na duyên riêng”.

Hỏi: Nếu căn cứ Hữu vi định, cảnh chẳng phải một, theo tương tục mà nói thì Thức thứ tám chẳng phải gián đoạn, tại sao nói Thức thứ bảy sát-na duyên riêng? Thức thứ bảy trôi buộc đối với Thức thứ tám, do Thức thứ tám mà có tự một, thường chẳng?

Đáp: Định có tướng chuyên chú một cảnh, cảnh đối xứng một, Thức thứ bảy thì không như vậy, căn cứ cảnh Hữu vi nên nói duyên riêng mà chẳng phải Thức thứ bảy làm duyên riêng để hiểu, mà tự một thường là theo tương tục mà nói.

Hỏi: Nếu vậy bản trí tương ứng không nhất định, vì không có một tướng?

Đáp: Cách hiểu một tuy không có nhưng có nghĩa chuyên sâu, có định không có lỗi. Các sư trước sau hoặc nói duyên riêng, hoặc nói duyên một, chuẩn theo đây có thể rõ.

**Số:** Hỏi như định biến hóa chướng.

Nương định mà được thần thông hay khởi biến hóa, do tánh cứng rít ấy tánh không kham nhậm, hay chướng ở các việc biến hóa ấy, chướng của biến hóa nương chủ mà được tên.

**Sớ:** Hoặc ngay ngoại ý.

Ngoài văn Du-già luận ấy không nói thế tục có là có thật thế.

**Sớ:** “Nhưng vọng niệm một” đến “không nói riêng”.

Cùng biệt cảnh niệm hành tướng tương tự, niệm trước nói không có, vọng niệm đồng niệm cho nên không nói. Có nghĩa, nếu vậy bất chánh tri cũng vậy, đâu cần gì giải thích, cho nên đây chỉ là luận chủ bỏ sót.

**Biện rằng:** Nếu sớ xác quyết vọng niệm, biệt cảnh thuộc về niệm phần cho nên không nói, có thể như điều đã vấn hỏi, sớ dẫn hành tướng có tự và không tự, cho nên nói, không nói, lẽ nào vội bài xích mà tự không được diệu chỉ của luận, suy tìm lỗi của luận chủ nói sót mất ư? Kế ở trước sớ nói là biệt cảnh nên đây không nói, đối với tà dục giải nói nhiếp nhau, nay sẽ trình bày.

**Sớ:** “Tà dục tà giải” đến “nên đây không nói”.

Có nghĩa chẳng phải do biệt cảnh, nhưng y nơi hai mươi tùy phiền não cho nên không nói.

**Biện rằng:** Năm nhà biến nhiễm cũng không nói, mà y nơi hai mươi tùy phiền não để nói, tại sao chọn lược y hai mươi tùy phiền não ư? Nếu nói tuy không nói y hai mươi tùy phiền não, trong hai mươi tùy có cái không khắp cho nên cần phải lựa chọn. Nếu vậy trong hai mươi hai tùy cũng có pháp không khắp, vì sao không y lựa chọn? Cho nên như trong sớ nói lý thật không trái.

**Luận:** Cần phải duyên đã từng thọ cảnh giới các chủng loại v.v...

Có nghĩa như trong Đẳng lưu năm thức hiện cảnh sở duyên, tuy chẳng phải từng thọ nhưng là chủng loại cảnh sở đắc của năm thức chợt hiện gọi là cảnh từng thọ. Năm thức đã vậy, ý thức chuẩn theo nên biết. Tâm sau này duyên loại cảnh trước cũng được niệm khởi, nay Thức thứ bảy chỉ có duyên loại, nên nói có niệm, sở chấp Lại-da là từ vô thỉ từng thọ loại, duyên hiện cảnh cho nên chẳng phải duyên từng thọ.

Hỏi: Giả sử duyên quá khứ, quá khứ đã diệt nên chỉ duyên hiện ảnh, đây tức tất cả đều duyên cảnh loại, tại sao từng thọ cùng cảnh loại khác nhau?

Đáp: Lý thật hai cảnh đều là hiện tại, bản chất quá khứ gọi là từng thọ, chất nếu hiện tại chỉ gọi là loại, thì Thức thứ bảy và thứ năm cảnh chất chỉ có hiện nên chỉ gọi là duyên loại, ý thức có lúc chất diệt lâu, gọi là duyên từng thọ nên có sai khác.

**Biện rằng:** Hiện tại cảnh của năm thức Đẳng lưu, lẽ nào chẳng phải loại của các cảnh thức Đẳng lưu quá khứ? Nếu thừa nhận thì tại

sao không nói, nếu không thừa nhận có lý do gì? Lại hiện ý thức duyên cảnh diệt lâu, thể của cảnh đã không có tại sao từng thọ? Cho nên tuy giải thích lại nương vẫn còn sai sót, cho nên nay lẽ ra nói, loại cảnh của thức chợt hiện, thức Đăng lưu, bản chất quá khứ tuy thể thật không có, nhưng biến tướng duyên, tương tự đối với nó gọi là duyên từng thọ.

**Sớ:** Là năng phát ác v.v..

Giải thích sư trước vặn hỏi, sư trước vặn hỏi rằng: Bất chánh tri nghĩa là đứng ngoài cửa hay phát ác nghiệp, lẽ nào là Thức thứ bảy có thể có việc này? Nên nay tổng kết rằng, họ đứng về Thức thứ sáu mà không căn cứ Thức thứ bảy.

**Luận:** “Luận Du-già” đến “ba cõi trời buộc”.

Xét quyển 58 ấy ghi: Thế nào gọi là tùy phiền não? Đại khái là do bốn tướng kiến lập sai biệt, một thông tất cả tâm bất thiện khởi, nghĩa là vô tâm, vô quý hai loại thông thì tất cả tâm nhiễm ô khởi, nghĩa là phóng dật v.v..., cả ba sai khác, tâm bất thiện khởi. Tiểu tùy có mười thứ tùy hoặc, nếu một khi sinh thời ắt không có cái thứ hai. Bốn thiện bất thiện tâm Vô ký khởi, nghĩa là bốn thứ bất định, bốn thứ bất định trong pháp Du-già cũng gọi là tùy phiền não. Phóng dật v.v... mười loại đã nói nhiễm khắp, rõ biết Thức thứ bảy, có hoặc bất định.

**Luận:** “Các lý nghi” đến “cũng là thắng giải”.

Hỏi: Vì sao lý sự nghi cần phải ấn chứng?

Đáp: Lý sự tuy sai khác nhưng ắt nương nhau, như ở trong khổ đế tức có khổ sự, khổ lý, khổ như, do lý nghi này đối với sự có ấn chứng.

**Sớ:** Sự quyết không sinh nghi v.v...

Ý vặn hỏi này nói, nghi cùng thắng giải đồng thời mà sinh, cảnh có lý sự, duyên nghi đối với lý, thắng giải duyên sự, đã không đồng lấy, lại trái với đồng một nghĩa sở duyên.

**Sớ:** Lý nghi cũng sinh hiểu, ý giải thích này nói: Thắng giải đối với lý đã nghi mà cũng sinh hiểu, tức sở duyên đồng hành tướng có sai khác.

Hỏi: Nghi của lý sở nghi mà thắng giải sinh có thể đồng sở duyên, ấn chứng sự sở ấn, nghi không duyên nó, sở duyên lại khác?

Đáp: Sự cũng có nghi, nhưng tướng ẩn vi tế, trong sơ chỉ bày một phần nên không nói đủ.

**Sớ:** Giải thích trước chỉ đứng về sự nghi.

Tức trước dẫn quyển 58 nói nghi do năm tướng, tại sao có dục, thắng giải, cách giải này đứng về sự nghi kia thành vặn hỏi.

**Sớ:** Do lý nghi đã dẫn.



Ngoài thuộc vận hỏi trước nên ở đây giải thích. Ý người ngoài vận hỏi, nếu duyên sự nghi là phiền não, thì lẽ ra chẳng phải kiến đoạn, kiến đoạn chỉ có mê lý hoặc, nên đáp ý này để rõ.

**Luận:** Trái Thánh ngôn.

Tức trái với Du-già quyển 11 nói các thiền xuất thọ. Sở nói hai chữ “mười hai” là nhầm. Xét luận ấy ghi: Vô tướng, trong kinh nói là vô tướng tâm định, ở trong định này xả căn hằng diệt, nhưng hại tùy miên, phẩm ấy thô trọng không có các đoạn, chẳng phải diệt triền phược hiện tại, trụ vô tâm định ấy có thọ. Ở trong định này có ba thọ, nghĩa là hỷ lạc xả.

Giải thích: Vô lậu định tâm nhưng duyên Chân như gọi là vô tâm định, hoặc tương ứng xả bị hoặc xen tạp, hoặc bị duyên trói buộc, hay xen tạp hay duyên xả căn, hoặc chủng gọi là xả thô trọng, đoạn hoặc chủng này gọi là đoạn tùy miên, căn cứ các đoạn này gọi là đoạn xả căn, chẳng phải đoạn thọ hiện tại. Các văn còn lại có thể rõ.

**Sớ:** Nếu thừa nhận hỷ lạc v.v...

Hỏi: Sư trước chỉ nói hỷ thọ tương ứng, tại sao lại nói thừa nhận hỷ lạc?

Đáp: Có hai giải thích: Một là y ba thọ để nói rõ hỷ lạc, hai là căn cứ lý nói hỷ thô lạc tế, thô vẫn còn có thì tế ấy chẳng phải không.

**Sớ:** “Thức thứ bảy sở duyên” đến “làm cảnh giới”.

Ý giải thích này cho rằng, tùy theo duyên địa nào mà dẫn ra quả thức, Thức thứ bảy đồng thời thọ tức cùng đời trước dẫn nghiệp thọ đồng. Tại sao? Duyên nó dẫn nghiệp mà cảm quả. Sở nói tương ứng là nghĩa tùy thuận, nếu cùng nghiệp ấy thọ không tùy thuận, tức không có năng duyên quả của nghiệp kia.

**Sớ:** “Lại địa sở hữu” đến “cùng với nó thọ đồng thời”.

Đây là giải thích thứ hai, tùy theo thức sở duyên, địa sở sinh, Thức thứ bảy cùng địa ấy, ý Thức thứ sáu kia tăng thượng thọ đồng thời. Đồng thời tức hỷ ưu v.v... đồng. Tại sao như vậy? Do duyên quả dẫn nghiệp của địa kia, nên cùng với địa đó tăng thượng đồng. Như sinh ở chỗ ác, lo thọ tăng thượng, các nẻo khác chuẩn theo đây để biết. Trước căn cứ cùng với nó năng dẫn thọ đồng, sau đồng sở duyên, đương địa tăng thọ cho nên hai pháp sai khác. Có nghĩa tùy theo Thức thứ sáu tăng thượng thọ đồng thời. Như sơ chuyển y tùy theo Thức thứ sáu tăng thượng, nên thọ đồng thời khởi cũng tùy theo Thức thứ sáu.

**Luận:** Mặc tình một loại.

Như A-lại-da mặc tình một loại mà không chuyển đổi, không cùng

tư duy với thọ sở dẫn mà cùng tương ứng, điều này tại sao không như vậy, sao biết như vậy?

**Đáp:** Xét luận Du-già quyển 63 ghi: A-lại-da thức tương ứng thọ đối với tất cả thời, chỉ là thọ không khổ không vui, đối với tất cả thức, ba thọ vị hằng luôn tương tục, nhân đến mạng chung không có đoạn tuyệt, hai thọ khác nên biết do tư duy dẫn phát, chẳng phải là câu sinh, thường thường tác ý dẫn phát hiện tiền, lấy Thức thứ tám làm ví dụ Thức thứ bảy, Thức thứ bảy đồng chỉ có xả.

**Sớ:** Đó là nghĩa tự tướng sai biệt.

Quả tướng của Dị thực, nhân tướng của chủng tử là nghĩa tự tướng sai biệt của A-lại-da thức, nhiếp trì nhân quả làm tự tướng.

**Sớ:** Trong Dục giới không phục tu hoặc v.v...

Tức dục ý thức câu sinh ngã kiến y nơi không đoạn để hỏi, y nơi đoạn để đáp.

**Sớ:** Định tâm ấy là Hữu đẳng y.

Ý nói bình đẳng thông các địa hữu, pháp quán thứ sáu dẫn bình đẳng trí ấy dùng làm sở y, sinh không thứ sáu, tức do tùy thân giới ràng buộc ở Thức thứ bảy mà làm sở y, nên nói là bất định.

Hỏi: Vô lậu Thức thứ bảy cùng thức năng y tức thừa nhận đồng địa, Hữu lậu Mạt-na thì cùng Thức thứ sáu địa ràng buộc thừa nhận sai biệt, rốt cuộc ý nào?

**Đáp:** Hữu lậu Mạt-na có hai nghĩa:

1. Tùy y trói buộc, duyên y kia.

2. Chẳng phải thức sáu dẫn cho nên cùng địa thứ sáu không ắt đồng, Vô lậu cũng có hai: một là vì không ràng buộc mà tùy theo quán sát thông duyên lý sự, hai là do Thức thứ sáu dẫn, nên tùy theo năng y mà đồng địa.

**Sớ:** Không thể dùng nhân số làm vấn hỏi.

Không thể dùng thọ nhân, quả là đồng, liền vấn hỏi nhân quả khiến tự sở v.v...

**Sớ:** Đây vi tế nói Nhiếp luận hai bản đều là thuyết thứ nhất.

Xét luận Vô Tánh nêu lại Bản luận rằng: Ý này nhiễm ô cho nên tánh Hữu phú vô ký, cùng bốn phiền não thường tương ứng, như Sắc vô sắc hai triền phiền não là thuộc tánh Hữu phú vô ký, Sắc vô sắc triền là Xa-ma-tha sở nhiếp tàng, ý này tất cả thời tùy theo vi tế.

Giải thích: Ba cõi là nơi hữu tình quy về tụ tập, còn ràng buộc, nên tiếng Phạm gọi là A-phược-giá-la.

**Luận:** “Nghĩa là sinh Dục giới” đến “nên biết cũng vậy”.

Xét luận Du-già quyển 63 nói cũng đồng với đây, nên luận ấy ghi: Tùy chỗ sở sinh, các phiền não ấy thuộc địa này.

Giải thích: Thức thứ bảy này là chỗ sở sinh, tương ứng hoặc kia cũng đồng địa nhiếp.

Lại luận Hiền Dương quyển 19 ghi: Nếu sinh trong Bồ-đặc-già-la, phải biết ý này tương ứng phiền não, tức là thể tánh sở nhiếp của cõi này.

Giải thích: Du-già đứng về địa, luận Hiền Dương căn cứ giới, thô tế hỏi sai khác, đại ý cũng một loại.

**Luận:** A-la-hán diệt định v.v...

Chuẩn theo trong Du-già quyển 63 không nói diệt định, nên luận ấy ghi: Các ly dục là thế gian trị đạo, nếu hiện ở trước hoặc không hiện trước, các phiền não này hiện hành không dứt. Nếu các hữu học đã kiến tịch thì đạo xuất thế gian hiện ở trước, các phiền não này không được hiện hành, từ đó xuất rồi trở lại hiện hành, vì khéo thông đạt, vì chưa hằng đoạn. Nếu các Vô học thì tất cả chủng này không hiện hành, các phiền não này phải biết chỉ có lìa dục Phi tưởng phi phi tưởng xứ nên đồng thời đoạn ngay, chẳng phải như các hoặc dần dần mà đoạn.

Giải thích: Phiền não này là Thức thứ bảy này tương ứng với bốn hoặc, cùng luận này sai khác, tổng hợp giải thích như số.

**Số:** “Quyển 88” đến “không phục tương tự”.

Thức thứ sáu, thứ bảy hoặc nghiệp sai khác. Kim cương đoạn dị là không đồng, nhưng câu thế đạo không thể phục, gọi là không phục tương tự. Xét luận ấy ghi: Lại thấy tạp nhiễm khi được giải thoát cũng có thể cứu cánh giải thoát, chẳng phải các tạp nhiễm được giải thoát, liền có thể giải thoát các kiến tạp nhiễm, vì sao? Là do sinh này y thế gian đạo, nhấn đến mới có thể lìa, tất cả tham dục của Vô sở hữu xứ, đối với các địa sau, các phiền não ấy tâm được giải thoát, mà chưa có thể thoát Tát-ca-da-kiến. Do kiến này cho nên ở địa trên dưới đã có các hành xen tạp tự thể không quán sai biệt, biến kế thành ngã, hoặc chấp thành sở, do nhân duyên này tuy lên cõi Hữu đẳng mà lùi trở lại, do thế đạo trước đoạn tất cả Tát-ca-da-kiến, sau có thể hằng đoạn chỗ có các phiền não, do nhân duyên này lại không thoái chuyển.

**Số:** “Hỏi” đến “năng duyên thức này lẽ ra cũng đoạn”.

Ý vặn hỏi đây cho rằng, nếu không thừa nhận đoạn thì trái với lý ấy, nếu tùy theo sở duyên cũng gọi là đoạn, tại sao luận nói cùng với Hữu đẳng địa phiền não các địa dưới đồng thời đoạn ngay, trước đã đoạn, sao gọi là đoạn ngay?

**Sớ:** “Thật lý giải” đến “lấy đây nêu bày kia”.

Lại không chiêu cảm quả ác nghiệp, Thức thứ tám nói trừ, tu hoặc vẫn còn, ngã chấp chưa mất, năng duyên Thức thứ bảy không được gọi là đoạn.

Hỏi: Kiến đạo chỉ không có một phần Thức thứ tám, Thức thứ tám gọi là xả, cũng thiếu một phần năng chấp Thức thứ bảy, Thức thứ bảy nên xả?

Đáp: Nhân mất quả hết Thức thứ tám có thể xả, Thức thứ bảy chẳng phải nghiệp chiêu cảm, chấp thể chẳng phải không có, đâu được gọi là xả.

**Sớ:** “Nay đây không nương” đến “cũng thông Vô lậu”.

Tuy lại trong hai luận Phật Địa, Vô Tánh nói có tịnh thức, nhưng kinh Phật Địa và luận của Vô Trước không nói có, do đây không lấy cuối luận làm chứng.

**Luận:** “Luận Hiển Dương” đến “hành bình đẳng”.

Xét luận ấy ghi: Ý nghĩa là từ chủng tử A-lại-da thức đã sinh rồi duyên lại thức kia. Ngã si, ngã ái, ngã ngã chấp, ngã mạn tương ứng, hoặc trái lại tương ứng với thức, tất cả thời y lại nêu làm hành, hoặc hành bình đẳng cùng thức câu chuyển liễu biệt làm tánh.

**Sớ:** “Nhưng thức sở dẫn” đến “không có tạng thức”.

Lấy luận Du-già mà nói tạng thức hoặc hai chuyển v.v... cho nên luận này không vấn hỏi Vô học, do Vô học ấy không có tạng thức, văn lược không nói.

**Biện rằng:** Chẳng phải sơ lược, vì dẫn trong Đại luận thức khởi nhiều ít lấy đó làm vấn hỏi, bản luận đã nêu tạng thức thành pháp nên không được vấn hỏi đối với Vô học, thế nên trong sơ nói là chính, nếu cũng không lấy văn ấy làm lý mà vấn hỏi Vô học, tức không có lỗi.

**Sớ:** “Thức thứ tám” đến “như Thức thứ bảy khác”.

Hỏi: Sư trước tự thừa nhận Thánh đạo, hàng Vô học Thức thứ sáu không nương, nhân thức tánh chuyển, lẽ nào chẳng phạm ở bất định khác ư?

Đáp: Trong câu hữu y bao gồm cộng bất cộng, các vị Thánh đạo ý Thức thứ sáu họ cũng thừa nhận có cộng câu hữu y, trong tông pháp đã không nói riêng nên không có bất định.

**Sớ:** “Nếu thành tổng tông trước” đến “ý thức không y”.

Có nghĩa chỉ nói Vô học Thánh đạo ý thức đều ở trong hữu pháp, lẽ nào được đứng về tông trong hữu pháp có bất định chẳng?

**Biện rằng:** Năm nhân bất định ở trong hai dụ, hoặc có hoặc không,

không có chỗ sở lập tức dị dụ. Người lập tuy lập Thánh đạo, ý ở trong Hữu pháp, rồi sau trình bày ý tông thánh chẳng phải có, theo lý mà nói hợp ở dị dụ, nhân đã ở chuyển, vì sao chẳng phải bất định, ai đứng về Hữu pháp đưa ra bất định? Nếu nói trước lập ở trong hữu pháp, tại sao lại nói dị pháp này? Đây cũng không lỗi, trước nương tông lập nói hữu pháp, đưa ra lỗi căn cứ lý hợp ở dị phẩm, cũng như xưa lập tông nhân trái nói: Như lập thanh thường, tất cả đều là vô thường, cho nên nhân như Trần Na nói, tất cả đều là vô thường cho nên thành dị dụ, chẳng phải là nhân, họ đã dùng lý chánh nhân làm dụ, nay cũng dùng lý chánh tông làm dị dụ cũng đâu có lỗi gì!

Lại trong Nhân Minh luận ghi: Dị pháp nghĩa là nếu ở chỗ này nói sở lập không có.

**Giải thích:** Trừ sở lập ra, những pháp xứ khác, hễ không có sở lập tức tông dị pháp, Thánh đạo ý đã không có sở lập, làm dị có lỗi gì? Nếu không như vậy thì đối với chỗ nói nhiếp không có pháp sở lập bất tận, dứt lẩn lộn không cùng, liền khởi các lỗi, do đây sơ pháp phân lý cố nhiên không trái.

**Sớ:** “Nếu dùng sáu thức” đến “không có Thức thứ bảy”.

Có nghĩa chỉ nói tông khác như tông trước trái với tỷ lượng, nhân có bất định đã thành tỷ lượng, ngoại lượng như ba chi trước không có lỗi. Nhân nói: ý Thức thứ sáu nhiếp thuộc, như Vô học v.v... ý Thức thứ sáu, người ngoài lẽ nào đem chân lượng cùng tỷ lượng làm thành lỗi bất định? Nếu ngoại lượng ấy lấy nhân nội lượng nói thuộc sáu thức, cũng có lỗi bất định, đây tức là cộng bất định, tại sao nói có lỗi quyết định? Riêng ý này nói, tương vi quyết định trước sau ba chi của hai nhà đều đủ, nay lượng trước sáu thức nhiếp, nhân đã phạm bất định. Sở lập tông khác lại trái với ba chi tỷ lượng, văn liền thiếu, sau nêu nhân ba chi của ý Thức thứ sáu mới đủ, thiếu không thiếu sai khác, lý nào được thành quyết định tương vi? Nếu đối phương lại lấy nhân trước, tức là trong sáu thức thuộc cộng bất định, làm sao thành lỗi Thức thứ sáu bất định ư?

**Biện rằng:** Xem thẳng văn sơ thật có lỗi này. Chủ ý của luận sơ căn cứ đối nhân ấy, trong nhân trước nói sơ lược, như trong Nghĩa Đăng đúng, cho nên sơ không có lỗi.

**Sớ:** Đây là đầu tiên không có.

Thức thứ bảy ngã chấp ban đầu không khởi vị.

**Sớ:** Không thể nói các chấp được hỗ tương xả.

Không được lấy Thức thứ tám đồng Thức thứ bảy khiến cho xả, do Thức thứ bảy đồng Thức thứ tám mà cũng không xả, vì sao không được?

Đáp: Lỗi nhiễm ô càng nặng, tạm diệt gọi là xả, tịnh pháp tha chuyển trọn không gọi là xả.

**Sớ:** “Nếu nhất định như vậy” đến “chẳng phải quả pháp quán”.

Ý vặn hỏi này cho rằng, nếu nhất định thừa nhận pháp quán và quả đều bình đẳng, Địa thứ tám trở đi không có phi pháp quán và pháp quả, liền phải hằng thời khởi bình đẳng trí.

**Sớ:** Do đây nên nói lân cận quả.

Ý đây đáp rằng: Tuy hai pháp sau đều được gọi là quả, xa gần đã khác, cho nên bình đẳng trí mà không hằng khởi.

**Sớ:** “Hoặc Địa thứ tám trở đi trí vô phân biệt” đến “không ngăn ngại”.

Đây là giải thích thứ hai, do hai bản trí tự vào hai quán, hai Hậu đắc trí đều mong tự bản, gọi đó là quả.

**Sớ:** Nếu đứng về nghĩa sau tức là quả toàn luận.

Nhưng quả pháp không liền khởi bình đẳng, liền không xả quả mà bỏ đi, nên gọi là toàn luận.

**Sớ:** “Hoặc Thức thứ tám chưa xả tên” đến “giải thích này khó biết”.

Do nghĩa chấp tàng chánh gọi là Lại-da, bình đẳng chẳng phải chấp, cho nên Thức thứ tám sở duyên đầu thể gọi là Lại-da.

**Sớ:** Đã không có nghĩa năng tàng nên tạm xả.

Đây chính là lập lại vặn hỏi khó biết ở trước, nếu không có năng tàng sở duyên Thức thứ tám không gọi là Lại-da, đã không có năng tàng Lại-da thì nên xả chẳng? Đáp: Ý vặn hỏi này như vị đầu biện rõ nên không nói lại.

**Biện rằng:** Tên gọi Lại-da thì đã chưa xả, thừa nhận duyên cũng đâu có lỗi? Nếu muốn khởi chấp mới gọi là Lại-da, khi đã không chấp tên sao gọi là không xả? Do lý này luận thừa nhận duyên không có lỗi.

**Sớ:** “Dụ sâu” đến “người khởi sự chấp”.

Pháp không lý sâu xa, mê chí lý này gọi là sâu.

Hỏi: Nói người là nhân chấp, cùng với dụ cận rốt cuộc nào có sai biệt?

Đáp: Căn cứ mê chấp phân thành cận sâu.

Hỏi: Nói người lập dụ mê lý sinh không gọi là sâu, có lỗi gì?

Đáp: Ý nói ngã pháp nương nhau mà khởi, rộng hẹp không đồng, sự lý nương nhau nên không dụ.

**Sớ:** Tuy chẳng phải chấp v.v...

Tuy nói bao gồm ở được mất, nay lấy cái được.

**Sớ:** “Nếu không như vậy” đến “không có tâm Hữu lậu ngăn cách”.

Nếu cũng không thừa nhận tế chướng hành như vậy, tức ngay tam địa pháp quán hằng hành, do không có Hữu lậu mà bị ngăn cách, nếu không như vậy, thì khi hiển bày tế chướng kia có lúc không hành, tức pháp quán khởi. Giải thích trước là thù thắng.

**Sớ:** Lấy đây làm chứng.

Do Địa thứ tám trở lên pháp quán không hằng, chứng ba địa trên thì Thức thứ bảy có được pháp chấp, hoặc lấy luận này mà làm chứng, tức văn này nói: Vẫn khởi pháp chấp, vì không trái nhau.

**Sớ:** Nói địa địa ấy đều năng đoạn.

Thức thứ sáu pháp chấp địa địa đã đoạn, làm sao nói sở tri chướng còn? Nếu nói có, căn cứ thì ít có, điều này không đúng, đã là pháp chấp khởi phiền não liền hành, như ở sau sở có vấn hỏi.

**Sớ:** “Hỏi: Vì sao trên nói” đến “đều nói là có”.

Sinh khởi ở luận sau.

**Sớ:** Bốn bộ A-hàm không nhiếp.

**Biện rằng:** Giải thích nghĩa giải thoát gọi là kinh Giải Thoát, với lý thành thù thắng, cho nên trong kinh ghi: Nếu giải thoát các hoặc, cho nên các kinh luận từ sở thuyết ấy để lập tên, loại ấy rườm rà, nếu không như vậy, phạm tên kinh là Như Lai kiến lập, hoặc người tập pháp lập, lẽ nào là Phật, A-nan căn cứ sau khi tản mác mà lập tên gọi này? Nếu người sau lập tên, cũng là chưa được, liền khiến tên kinh khó lấy làm mực thước.

**Luận:** Đây y theo sáu thức đều không được thành.

Như luận Vô Tánh, số, Nghĩa Đăng có lược dẫn, người học còn mê cho nên nay chép đủ.

**Luận:** Đây đối với năm thức không được nói có, xứ này không có năng đối trị, nếu xứ có năng trị thì xứ này có sở trị, chẳng phải trong năm thức có năng trị, với kiến đạo này không sinh khởi.

**Giải thích:** Do trong năm thức không có kiến năng trị, nên không có được sở trị vô minh. Nói kiến đạo ấy là lựa chọn hai đạo khác, do thành sự trí Phật quả có.

Hỏi: Thức thứ sáu lẽ ra có bất cộng vô minh, vì có kiến đạo?

Đáp: Thức thứ sáu có trị chung, chẳng phải vì riêng trị.

Hỏi: Thức thứ bảy có kiến đạo, Thức thứ bảy tương ứng hoặc lẽ ra gọi là kiến đoạn?

Đáp: Tuy không đoạn, phục tạc không khởi cũng là sức kiến đạo, do kiến đạo này có trí bình đẳng. Căn cứ Đại thừa mà nói, luận chẳng phải ở trong ý thức không nhiễm mà có, do kia đây nên thành nhiễm tánh.

**Giải thích:** Người ngoài chấp, ở trong sáu thứ tịnh, do trong sáu thứ tịnh không có các phiền não khác, tương ứng vô tri được gọi là bất cộng, cho nên vạn hồi ý tịnh đã có vô minh nên thành nhiễm.

**Luận:** Cũng chẳng phải nhiễm ô, trong ý thức có, lúc cùng phiền não đồng tương ứng bất cộng vô minh thì gọi là chẳng thành.

**Giải thích:** Lập chuyển chấp phá, ý có các hoặc khác mới gọi là nhiễm, bất cộng đã cùng ý hoặc kia đồng thời, liền là tương ứng, sao gọi là bất cộng?

**Luận:** Nếu lập ý thức do phiền não kia thành nhiễm ô, nay phải rõ ràng thành tánh nhiễm ô.

**Giải thích:** Bất cộng vô minh hằng hành không dứt, ý thức làm sao có lúc được tịnh?

**Luận:** Các thí v.v... tâm lẽ ra không thành thiện, tướng phiền não ấy hằng tương ứng.

**Giải thích:** Phá vạn người ngoài chống chế, người ngoài chống chế đã nói ý hằng thành nhiễm cũng đâu có lỗi, cho nên khởi vạn hồi này.

**Luận:** Nếu lại có nói thiện tâm đồng thời chuyển có phiền não kia.

**Giải thích:** Các Tiểu thừa chống chế, thí v.v... thiện tâm cùng phiền não đồng thời, do đó bất cộng vô minh này hằng hành rốt cuộc có lỗi gì?

**Luận:** Đây tức thuận cùng phiền não tương ứng, còn lại không có được, ý thức nhiễm này dẫn sinh đối trị không đúng đạo lý.

**Giải thích:** Chánh là vạn hồi chống chế trước, ý đã thuận hằng có vô minh, ngoài vô minh còn có các pháp thiện, ý này chẳng phải có, đã không có tín v.v... ý gọi là thế thiện nhưng không được thành. Lại ý hằng nhiễm không thể năng dẫn Vô lậu thiện sinh, sở trị không làm nhân năng trị, cho nên thiện xuất thế cũng không có được.

**Luận:** Nếu có nói ý nhiễm ô đồng thời có thiện tâm sai khác năng dẫn đối trị, năng trị sinh cho nên sở trị liền diệt nên đúng đạo lý.

**Giải thích:** Hiển nghĩa chánh. Có thuyết Đại thừa nói ngoài ý nhiễm có thiện của đời khác, thế thiện năng dẫn năng trị kiến đạo, lẽ ra nó tương sinh trị chướng lý.



**Luận:** Nếu vậy sở lập bất cộng vô minh cũng không thành tựu, cùng thân kiến v.v... các phiền não khác hằng tương ứng.

**Giải thích:** Đây là người ngoài vặn hỏi, ý vặn hỏi này cho rằng, Thức thứ bảy đồng thời vô minh có các kiến v.v... ba hoặc tương ứng, lẽ ra cũng không được gọi là bất cộng, nếu tuy kiến đồng thời cũng gọi là bất cộng, trước ngã ý nhiễm đồng thời vô minh, tuy các hoặc đồng thời, tại sao không thừa nhận gọi là bất cộng? Luận nói ông vặn hỏi không bình đẳng, chẳng phải ta nói nó không tương ứng với các phiền não nên gọi là bất cộng, nhưng nói chỗ các hoặc khác đã không có nên gọi là bất cộng, thí như mười tám pháp bất cộng Phật pháp, trước nói tương ứng với các phiền não gọi là bất thành, quán tha sở lập hiển bày lỗi ấy.

**Giải thích:** Trong lời đáp người ngoài vặn hỏi ở trước, bình đẳng tức là ngang bằng nhau. Trước xem tông của ông nói các hoặc đều có lỗi nên không gọi là cộng, chẳng phải Đại thừa của ta thừa nhận nghĩa này.

**Sớ:** “Bất kiến, bất chánh tri” đến “trạo gọi là ngã trạo”.

**Hỏi:** Sử trước chỉ nói do trong tùy hoặc không có chánh tri, là trong thức này ngã kiến mạn v.v... ai nói trong tùy bất chánh tri gọi là ngã kiêu?

**Đáp:** Nếu trong tùy hoặc không nói ngã kiêu, ngã trạo v.v... do đâu biết được? Kiêu trong tùy v.v... là Thức thứ bảy tương ứng mạn v.v... Nếu nói ngôn thuyết thì giáo không có văn, cho nên làm vặn hỏi này.

**Sớ:** “Duy ở đây đồng thời với tham” đến “vì không làm chủ”.

Lược có hai giải thích:

1. Thức thứ bảy này tham không đồng thời sáu thức mạn v.v... nên mới gọi là tương ứng.

**Hỏi:** Lẽ nào sáu thức tham chẳng phải tương ứng vì sao mà nói duy ở đây?

**Đáp:** Sáu thức tương ứng tham thông hai loại có cộng bất cộng, Thức thứ bảy thì không như vậy, cho nên chỉ nói lựa chọn.

**Hỏi:** Thức thứ bảy tham chẳng phải chủ tức rõ ràng tương ứng, vì sao nói cùng Thức thứ sáu mạn v.v... không đồng thời gọi là tương ứng?

**Đáp:** Vì ngăn người ngoài vặn hỏi nên đối sáu thức để nói, sợ có vặn hỏi nói Thức thứ bảy tham v.v... đã không cùng Thức thứ sáu mạn v.v... tương ứng nên gọi là bất cộng, nên nay đối hiển.

2. Nói ở đây là sáu thức này, chữ “chẳng” trong sở là nhằm, đúng

ra phải là chữ “cũng”. Sáu thức này tham cũng cùng sáu thức mạn v.v... đồng thời, hoặc gọi là tương ứng.

**Hỏi:** Tương ứng tham v.v... Thức thứ bảy lẽ nào không nói chỉ có sáu thức này?

**Đáp:** Lựa chọn từ sáu thức không đồng thời với tham v.v... mà nói “chỉ có”, chẳng phải đối với Duy thức mà nói chỉ có thức này.

**Sớ:** “Mười tăng thượng này” đến “chỉ có vô minh tăng”.

Do mười tăng thượng được mười tên chủ, đồng thời vô minh không được tên chủ gọi là tương ứng.

**Luận:** Lại trong Khế kinh nói nhãn sắc làm duyên v.v...

Xét Nhiếp luận của Vô Trước ghi: Lại năm đồng pháp cũng không có được, vì thành lỗi, vì sao? Vì năm thức thân ấy có nhãn v.v... câu hữu y. Luận của Thế Thân giải thích cùng với đây có sai khác, luận Vô Tánh đồng. Luận Thế Thân ghi: Nói đồng pháp là ý Thức thứ sáu cùng năm thức có pháp tương tự, có năm căn ấy và A-lại-da là câu hữu y, đây cũng như vậy có ý nhiệm ô A-lại-da thức là câu hữu y. Năm đồng pháp này là ý nhiệm ô quyết định chẳng phải có.

**Giải thích:** Sở y có hai gọi là hai duyên. Trong Vô Tánh Nhiếp luận căn cảnh hai loại gọi là hai duyên, trong căn không lấy A-lại-da thức, do vì cộng y, cho nên luận ấy ghi: Năm thức cùng ý thức ấy có đồng pháp tánh, nghĩa là từ hai duyên mà được sinh khởi, ý nhiệm ô kia nếu không có, cùng với đây trái nhau, đó gọi là câu sinh tăng thượng duyên y vô hữu sai biệt. A-lại-da thức tuy là ý thức câu sinh sở y, nhưng không nên lập làm biệt y này, là cộng y, là nhân duyên tánh.

**Luận:** “Nghĩa là như năm thức” đến “câu hữu sở y”.

Có nghĩa trong sớ giải thích rằng nếu là tông pháp vì sao nói ắt nhãn v.v... Nay giải thích, nghĩa là như câu hữu y đều đồng pháp dụ, tức dùng dụ này lựa chọn pháp sai biệt làm tông pháp của nó.

**Biện rằng:** Nghĩa của y rộng thông, nêu nhãn cho nên lựa chọn các lỗi khác, đây cũng đâu có trái. Nếu nói dụ tại sao mượn đưa ra thuyết ắt có, xem các Nhân Minh chưa thấy trong dụ có ví dụ này, ắt có nghĩa quyết định, lỗi có không của tông, ở sau tổng lượng rằng: Ất có bất cộng hiển bày chỗ của tên mình là tông pháp. Lại tổng là dụ, liền có pháp gì là lựa chọn mà lấy làm tông? Nếu nói ý căn tức là đã lựa chọn, vẫn đã không nói nên là ý thừa nhận, nếu như vậy, lẽ nào là tông pháp này chỉ có ý thừa nhận không nói trình bày? Lại chưa từng thấy dùng dụ để lựa chọn biệt pháp làm tông, chuẩn theo đây nên trước nêu ở sau dụ mới nói tông, lấy dụ để lựa chọn lỗi của tông pháp, theo đây mà luận

thì biết sơ không nhầm.

**Luận:** “Không thể nói sắc” đến “có hai phân biệt”.

Căn cứ luận Vô Tánh, văn này đều phá Kinh bộ, Thượng tọa lẽ ra cũng không có lỗi, cho nên luận ấy ghi: Kinh bộ đã lập sắc là ý thức câu sinh diệt y, điều này không thành tựu, không đúng đạo lý, do căn cứ suy nghĩ lựa chọn, tùy niệm phân biệt nên tất cả thời không có phân biệt. Trong truyện giải thích rằng: Nhục đoàn tâm tạng bốn trần sắc pháp là ý thức nương. Lại nói, do đạo lý này bộ khác lập sắc vật trong ngược ý thức biệt y cũng không thành tựu.

Giải thích: Loại phá Thượng tọa, vì đồng sắc này, cho nên luận này ban đầu bao hàm ở hai tông, sau phá Kinh bộ, lý lẽ ra đầy đủ.

**Sớ:** Như trong Du-già sơ sao tổng hợp.

Phần sau tự biện đầy đủ, trong Nghĩa Đăng lại nói rõ.

**Sớ:** Sinh sở y.

Thân năng phát khởi gọi đó là sinh, chẳng phải đồng chủng tử biện quả thể sinh gọi là sinh.

**Sớ:** Pháp chỉ là cảnh v.v...

Tức quyển 52 nói vô pháp ấy được là ý cảnh, là chứng cứ này, văn ấy biện rộng, nay lược dẫn.

**Luận:** Hỏi: Như Thế Tôn nói các hành quá khứ vị lai là duyên sinh ý, quá khứ vị lai chẳng phải có vì sao nói quá khứ vị lai là ý duyên sinh? Nếu ý cũng duyên thì chẳng có sự cảnh, tại sao Phật nói do hai loại duyên các thức được sinh?

Đáp: Do chấp trì các nghĩa năm thức thân đã không hiện hành, cho nên Đức Phật giả nói danh pháp, thế nên nói duyên ý và pháp ý thức được sinh.

Giải thích: Trì tự vô thể khiến năm thức không hiện hành khiến ý thức chuyển, cho nên giả gọi là pháp, chẳng phải nói là pháp tức có thật thể.

**Luận:** Lại hữu tánh an lập.

Có nghĩa năng trì, nếu Vô Tánh an lập vô nghĩa, năng trì vô nghĩa cho nên đều gọi là pháp, do ý thức kia ở nghĩa hữu tánh, nếu do nghĩa này mà được an lập, tức do nghĩa này khởi thức liễu biệt, nếu ở hai chủng không do hai nghĩa khởi liễu biệt, không nên nói ý duyên tất cả nghĩa lấy tất cả nghĩa.

**Giải thích:** Tướng phân tuy có, căn cứ bản chất nói duyên không có.

**Luận:** “Nếu nói hiện tại” đến “lẽ nào gọi là ý”.

Hỏi: Trong Hữu bộ mười tám giới thông ba đời, tại sao vẫn hỏi nói hiện chỉ gọi là thức?

Đáp: Ý đủ tư lương, y chỉ hai nghĩa, nhưng thức hiện tại tuy chưa khởi dụng làm y sinh thức, nhưng trụ ý tánh cũng được tên ý, không cần cứ tư lương hiện gọi là ý, cho nên cũng không có lỗi.

**Luận:** Đã diệt y giả lập tên y này.

Có nghĩa y chỉ gọi là ý tự mong giả thuyết, chẳng phải y Thức thứ bảy, tư lương gọi là ý y Thức thứ bảy lập, cho nên nói đã diệt y này là giả gọi ý tư lương, lập tông chỉ tranh cãi ý tư lương.

**Biện rằng:** Đã diệt tuy không có, nhưng mở ra con đường ấy, thức sau nương đây mà có thể được sinh, tự hiện y chỉ giải thích lập tên ý, ý đã diệt cùng hiện tư lương sai khác không tương tự, tại sao y Thức thứ bảy giả lập tư lương? Tuy ý tư lương là vốn đã tranh chấp làm người ngoài vẫn hỏi nói diệt chẳng phải tư lương sao được gọi là ý? Nên luận đáp rằng: Diệt tự hiện ý y chỉ một bên nương đó mà giả lập, nếu nói y chỉ tự mong nói là tại sao tự mong? Nếu mong hiện tại, hiện tại gọi là thức, tự làm sao xứng ý, nếu mong về trước thế trước kia không có, tự tự ở đâu? Luận phá ở tha giả nương chân lập, nghĩa lẽ ra không thành.

Lại xét Nhiếp luận quyển 1 của Thế Thân ghi: Quá khứ đã diệt không có chỗ tư lương, làm sao phải có tánh năng tư lương? Chuẩn theo ý văn này, không dùng tư lương làm ý quá khứ, nên xét kỹ để rõ.

**Sớ:** Không có tướng diệt một thức v.v...

Do năm chuyển thức vị trước đã xả, nên nói chỉ diệt một hai thức.

**Sớ:** Trong Nhiếp luận vẫn hỏi rằng đều diệt nào có khác.

Xét luận ấy ghi: Do hai tự tướng không sai biệt, tâm và tâm pháp đồng thời diệt nào có khác.

**Luận:** Nếu nói Gia hạnh v.v...

Xét Vô Tánh Nhiếp luận quyển 1 ghi: Không thể nói ở Tĩnh lực thứ tư, ở Tĩnh lực thứ nhất có địa sai khác. Xuất ly, tịnh trụ dục sai biệt, hai định sai biệt, chỉ nêu Gia hạnh và địa hai pháp sai khác.

Lại chuẩn theo Câu-xá quyển 5 có mười thứ sai biệt:

1. Địa có sai khác: Nghĩa là Thiên thứ tư, Hữu đánh sai biệt.
2. Gia hạnh sai khác: Xuất ly, chỉ tức hai tướng sai biệt.
3. Tương tục sai khác: Dị sinh, Thánh vì thân không đồng.
4. Cảm quả sai khác: Năm uẩn, bốn uẩn báo sai biệt.

5. Thuận thọ sai khác: Chỉ có thuận sinh thọ thông sinh hậu v.v... sai biệt.

6. Ban đầu khởi sai khác: Vô tướng hai cõi, diệt định chỉ có người.

7. Thối hữu sai khác: Được không trải qua sinh, trải qua sinh sai biệt.

8. Danh hiệu sai khác.

9. Hoàn bất hoàn sai khác: Như tên bắn hư không, không hoặc không phản lại.

10. Hai đặc sai khác: Ban đầu chỉ có Gia hạnh, sau thông hai đặc ly nhiệm chỉ có Phật, các Thánh Gia hạnh, như thứ lớp phối hợp với vô tướng diệt định ấy là hai pháp sai biệt.

**Sớ:** “Trong này nói chung” đến “thứ sáu ràng buộc nhau”.

Luận này dẫn văn ấy không đủ, không có ý thức để nói, nay xét luận ấy để nói, hơn nữa ý thức Mạt-na nhiệm ô dùng làm y chỉ này bỏ câu đầu, văn khác ất đồng.

**Sớ:** Đối Pháp v.v... lậu đã tùy theo.

Các văn Du-già luận, như trong Xu Yếu có biện rõ, trong Đối Pháp nói như Nghĩa Đăng giải thích, nên đây không nói.

**Sớ:** Tức là Nhiếp luận ngã chấp không có lỗi v.v...

Văn này cùng Thức thứ sáu kia rất giống, trong ấy uyển chuyển mà vận hồi, họ không theo kịp cho nên nói rất sai.

**Sớ:** “Trong Đại thừa” đến “do lý này thông”.

Tuy Thức thứ tám khác, tổng được gọi là ý, do đối với sáu cảnh nên hợp thành một.

Hỏi: Vì sao không giải thích mười tám giới?

Đáp: Văn này chánh giải thích, cho nên ở sau số không nói.

**Sớ:** Câu đầu tức là thức này được tên.

Tức trong Đối Pháp nói: Y nhân duyên sắc, y chỗ y nhân thức được tên nhãn.

**Sớ:** Mỗi loại đều có chủng, như trong Du-già.

Xét luận ấy quyển 1 ghi: Thế nào là nhãn thức tự tánh? Nghĩa là y nhãn liễu biệt sắc, sở y ấy đều có y, nghĩa là nhãn v.v... vô gián y gọi là ý, chủng tử y tức là tất cả chủng tử chấp thọ sở y sở nhiếp A-lại-da thức, nhãn đến ý thức cũng lại như vậy. Lại nói, câu hữu tương ưng mỗi mỗi mà chuyển, lại tất cả pháp ấy đều từ chủng tử mà sinh.

**Sớ:** “Lại căn cứ tướng thô” đến “thức không hẳn sinh”.

Hỏi: Nay người mờ mịt có cảnh không căn mà thức không sinh, chứng minh thức y nhãn, như người có mắt do cảnh không có nên thức không sinh, lẽ ra thức y cảnh, lại chỉ có căn thức tức y sinh, sắc giới lẽ

ra có tử thiết hai thức?

**Đáp:** Lý thức sinh thật nhờ căn cảnh, căn cứ nơi thắng duyên nói y nhãn chẳng phải sắc, cũng do thức cảnh hỗ tương sinh, nhưng y chủ thắng gọi là là Duy thức. Lại khi vượt sông ngòi lớn không chỉ có một thuyền, mà nhờ các buồm mái chèo mới có thể đi nhanh được, ở đời căn cứ thắng duyên nói thuyền là vượt qua.

**Sớ:** Như bệnh Ca-mạt-la v.v...

**Hỏi:** Chẳng phải màu vàng thấy là màu vàng, tự là ý thức, tại sao lấy đây chứng minh nhãn thức?

**Đáp:** Do căn tổn cho nên khiến cho ban đầu nhãn thức không rõ ràng, nhưng sau ý thức thấy có lẫn lộn nên nói ý hoại chứng minh nhãn thức thay đổi.

**Sớ:** Nghĩa là do căn hợp thức khiến căn cơ tổn ích v.v...

Do căn thức hợp quán ánh sáng mặt trời mặt trăng, như thứ lớp ở căn mà có tổn ích. Lại xét trong Câu-xá luận quyển 2 ghi: Do hai nhãn cho nên từ căn lập tên gọi.

1. Do căn là tánh sở y, cảnh thì không như vậy.

2. Do sở y là bất cộng cho nên chỉ có tự thức y, sắc cũng thông làm nhãn thức thân khác và tự ý thức mà sở thủ. Bốn pháp khác chuẩn theo đây, do đây không từ các sắc lập tên gọi, tuy là hai nghĩa mà lựa chọn lẫn lộn cũng xong.

**Sớ:** Ý thức không như vậy, nhãn v.v... có thể như vậy.

Căn cứ đẳng vô gián sáu thức đều gọi là ý, nay gọi là Thức thứ sáu nên không đúng, năm thức căn sai biệt, y căn lập tên không có lẫn lộn nên đúng.

**Luận:** Hoặc gọi là sắc thức v.v...

Có nghĩa sở nói cũng là Y chủ thích, nay giải thích thông với Hữu tài thích, do khả năng có cảnh gọi là sắc thức v.v... tức Hữu tài thích.

**Biện rằng:** Nếu nói rộng thì không có nghĩa này, biện luận sở thuyết chỉ Y chủ thích, nên luận xác quyết nói tùy cảnh lập tên vì thuận theo nghĩa thức, nghĩa là ở sáu cảnh liễu biệt gọi là thức, không nói có cảnh mà gọi là thức.

**Sớ:** Mắt rắn nghe tiếng v.v...

Xét trong kinh kia quyển 64 ghi: Người Cù-đà-ni nhãn thức nghe tiếng, như loại rắn rết trong Diêm-phù-đề mắt nghe tiếng, người Cù-đà-ni cũng lại như vậy, như cách chướng ngại nghe nhiều âm thanh, thấy các sắc tượng cũng lại như vậy, do vì pháp thù thắng.

**Luận:** “Luận Trang Nghiêm” đến “cảnh đồng loại”.

Xét luận ấy quyển 3 kệ tụng: Như vậy năm căn chuyển, biến hóa được tăng thêm, các nghĩa biến sở tác, ngàn hai trăm công đức.

**Giải thích:** Bài kệ này hiển bày chuyển năm căn biến hóa, biến hóa này được hai loại tăng thượng: Một là được các nghĩa biến sở tác, nghĩa là mỗi mỗi căn đều có thể hỗ dụng tất cả cảnh giới; hai là được một ngàn hai trăm công đức, nghĩa là mỗi mỗi căn đều được một ngàn hai trăm công đức.

**Sớ:** “Hoặc tức Sơ địa” đến “đây là bản nghĩa”.

Trong luận Phật Địa nghĩa có bản và biệt, nêu bản để lựa chọn biệt, thứ lớp như số ở trước để giải thích rõ.

**Luận:** “Kinh Phật Địa” đến “làm bốn ký”.

Sớ và Xu Yếu tuy đều có đưa ra, người học chưa thông thì khó mà tỏ ngộ. Nay rút lấy cốt yếu tùy theo vận hỏi mà giải thích, mong hậu học gặp vấn không có mê mờ.

**Kinh:** Do Đức Như Lai thị hiện các loại phương tiện thiện xảo, bẻ dẹp các kiêu ngạo ngã mạn của chúng sinh, do sức phương tiện thiện xảo này dẫn dắt các chúng sinh khiến vào Thánh giáo thành tựu giải thoát.

**Giải thích:** Chín loại hóa hiện khác đều lấy thiện xảo này mà nói, ở sau đồng nên không chép.

**Luận:** Trong đây hiển bày thần thông biến hóa, khi làm Bồ-tát thị hiện vô số thợ thầy, công xảo các nghề, đây là hiện thân nghiệp tướng trên trí, vì bẻ dẹp cao ngạo nên hiện việc này. Thiện xảo phương tiện tức là bi tuệ bình đẳng, trước khi vận dụng đạo thì hiện thần thông để trước khiến họ sinh lòng tin, nên gọi là dẫn sinh khiến vào Thánh giáo, như hiện thân thông độ Ca-diếp v.v... Kế đến là khiến họ điều thuận, có khả năng kham nhận nên gọi là thành tựu, dẫn dắt khiến trưởng dưỡng các thiện căn, sau khiến cho thoát khỏi nẻo ác trong ba cõi.

**Kinh:** Do Như Lai đến các chỗ chúng sinh thị hiện sinh đồng loại, mà ở đạo vị nhiếp phục tất cả dị loại chúng sinh.

**Luận:** Trong này hiển bày thị hiện thọ sinh hóa, nghĩa là hiện hóa thân ở mọi nơi trong cõi người cõi trời, thị hiện đồng loại sinh, ở trong Sát-đế-lợi, Bà-la-môn hàng phục mọi loài khiến được lợi lạc.

**Kinh:** Do Đức Như Lai thị hiện lãnh thọ bản sinh, bản sự, các hạnh khó tu.

**Luận:** Ở đây hiển thị hiện nghiệp quả để hóa độ, thành sở tác trí hiện dùng hóa thân lãnh thọ hóa nghiệp, do nghiệp này cho nên thị hiện thọ tất cả bản sự bản sinh các hạnh khó tu, đời trước tương ứng chỗ có

các việc gọi là bản sự, đời trước đã thọ sinh loại sai biệt gọi là bản sinh. Như Tỳ-thấp-phạn-đát-la v.v... y việc bản sinh này trước đã tu hành các loại khổ hạnh gọi là hạnh khó tu.

Giải thích: Lãnh là nhiếp kiếm, thọ nghĩa là nạp thọ, nường hóa nghiệp này mà nhiếp nạp hóa quả nên gọi là lãnh thọ. Cùng thân tương ưng chẳng phải việc của thân gọi là bản sự, chỗ thọ việc của thân gọi là bản sinh. Tỳ-thấp v.v... Hán dịch Chúng Dị, dùng nhiều đức lạ để làm kinh ngạc mọi người, tức tên khác của Thái tử Tu-đạt-noa, là nêu việc để giải thích rõ.

**Luận:** Hoặc ở đời nay nường biến hóa thân trước tu khổ hạnh, sau xả hạnh tu ấy ở trong đó hành mới được Bồ-đề. Có Khế kinh ghi: Đời trước của Đức Như Lai, vào thời Phật Ca-diếp nói lời mắng nhiếc như vậy: “Ở đâu có Sa-môn cạo râu tóc là có đại Bồ-đề, Vô thượng Bồ-đề rất khó được”, do các ác nghiệp ấy nay chịu quả khổ khó làm như vậy.

Giải thích: Đời này sống sáu năm khổ hạnh cũng được gọi là thị hiện nghiệp quả. Trong kinh ghi: Thời quá khứ mắng Phật Ca-diếp, nay chịu quả báo sáu năm khổ hạnh là cũng hóa hiện, hóa hiện thích nghi nên dứt các ác.

Kinh: Do Đức Như Lai tuyên dương vô số pháp tùy theo sự ưa thích, văn nghĩa khéo léo, chúng sinh trí nhỏ vừa nghe còn tin chuộng.

**Luận:** Trong đây hiển bày lời nói an ủi để giáo hóa, vui mừng an ủi tức là vui thích sai biệt, do nói năng sinh ra cho nên gọi là vui mừng an ủi. Thành sở tác trí hóa làm ngữ nghiệp tự hiện âm thanh mâu nhiệm khiến tâm họ thay đổi, nghĩa là nghe Phật nói sinh vui mừng, tùy theo pháp ưa thích, tùy theo nhân lực kia mà thích ứng, thích nghe trời người các pháp Tam thừa sai biệt. Văn xảo diệu là câu chữ hiển bày cái đẹp khiến họ ưa nghe. Nghĩa xảo diệu là lý thú rõ ràng dễ hiểu, hàng tiểu trí nghe tin, hưởng gì người thông tuệ.

Kinh: Do Đức Như Lai lập chánh học xứ, hủy bỏ các buông lung, khen ngợi việc không buông lung, lại kiến lập tùy theo người tin hành, tùy theo người tin pháp vắng làm.

**Luận:** Đây hiển bày phương tiện ngữ hóa, Đức Như Lai đại bi vì các hữu tình mà an lập học xứ khiến cho họ nhiếp phục các ác tu thiện thế gian, an lập Thánh đạo phần vị sai biệt, khiến nhập chánh đạo, ra khỏi ba cõi.

Kinh: Do Đức Như Lai đoạn hết vô lượng nghi hoặc của tất cả chúng sinh.

**Luận:** Đây hiển bày biện rõ ngữ hóa. Thành sở tác trí tùy theo



ý thích của chúng sinh sai biệt, hiện hóa ngữ nghiệp nói các thứ nghĩa đoạn các nghi hoặc, nghĩa là phát ra một tiếng biểu hiện tất cả nghĩa, khiến các hữu tình tùy loại được lợi ích.

Kinh: Do quyết trạch chúng sinh tám vạn bốn ngàn tâm hành sai biệt.

**Luận:** Đây hiển bày ý hóa quyết trạch. Thành sở tác trí tương ứng ý nghiệp hay khởi hóa hiện nên gọi là hóa ý nghiệp, năng quyết trạch này đã hóa chúng sinh tám vạn bốn ngàn tâm hành sai biệt, tâm hành sai biệt như trong số có chép đủ, đây không ghi lại.

Kinh: Do Đức Như Lai quán sát các hành của sở hành, hành hay không hành của tất cả chúng sinh hoặc được hoặc mất, vì khiến cho họ lấy bỏ, tạo tác đối trị.

**Luận:** Đây hiển bày tạo tác ý hóa, tùy theo chỗ quán sát tất cả hành sở hành của hữu tình, nếu các ác hành không hành mà có đức, hành tức có lỗi, nếu các thiện hành hành tức có đức, không hành có lỗi, ở nơi đức tạo tác mặc tình đối trị, ở nơi lỗi tạo tác xa lìa đối trị.

Kinh: Do Đức Như Lai vì muốn tuyên nói đối trị ấy, hiển bày danh cú văn thân mà chúng sinh ưa thích.

**Luận:** Đây hiển bày phát khởi ý hóa, Thành sở tác trí tương ứng ý nghiệp năng phát thân ngữ, hoặc ý nghiệp này do trí phát khởi, hoặc trí tương phần hiện tợ, thế nên nói tên phát khởi ý nghiệp, vì nói hữu tình đối trị các hành, ở đây đã nói pháp danh cú văn thân dùng làm tự tánh thế nên hiển bày danh cú văn thân, khiến khởi cú lạc phát sinh đối trị.

Kinh: Do Đức Như Lai ở trong định bất định lại hỏi ghi chép làm biệt ký, tùy theo chỗ thích ứng thọ lãnh các nghĩa quá khứ vị lai hiện tại.

**Luận:** Đây hiển bày thọ lãnh ý hóa, thọ tương ứng suy nghĩ năng động tâm ấy khiến thọ khổ vui, thế nên gọi là thọ lãnh ý nghiệp. Thành sở tác trí thọ suy nghĩ tương ứng, năng khởi hóa nên gọi là hóa ý nghiệp. Ghi trong bốn lời hỏi làm ký biệt, tùy theo thích ứng, như thật liễu tri tất cả đã hỏi lãnh thọ ba đời vô lượng nghĩa, như thật biết rồi tùy theo thích ứng mỗi mỗi ký biệt không có điên đảo. Bốn ký gồm:

1. Nhất hướng ký: Như hỏi: tất cả sinh là quyết định diệt ư? Phật pháp tăng bảo là ruộng phước tốt? Những câu hỏi như vậy phải ghi lại cả, vì đây là nghĩa quyết định.

2. Phân biệt ký: Như hỏi: tất cả diệt là định lại sinh ư? Phật pháp tăng bảo chỉ có một ư?

Giải thích: Đối với pháp đã hỏi mà chẳng phải một bề nên làm

phân biệt. Có người mê lầm chết rồi ắt sinh trở lại, có người mê lầm chết rồi không sinh trở lại, nếu đứng về chân lý Tam bảo chỉ có một, nếu căn cứ nơi Hữu vi Tam bảo có sai khác.

3. Phản vấn ký: Như hỏi, Bồ-tát Thập địa là thượng là hạ? Phật pháp tăng bảo là hơn hay kém? Nên hỏi ngược lại rằng: Ông dựa vào đâu mà hỏi như vậy?

Giải thích: Pháp đã hỏi hình tướng đối đãi nói hoen kém bất định nên phải hỏi lại. Lại trong Tam bảo giữa thầy trò pháp là tối thắng, khởi nói thứ lớp tức Phật là thù thắng, do Phật xuất thế mới thuyết pháp, lại nội giáo ngoại đạo đều có Tam bảo, đứng về Tam bảo ngoại đạo thì Tam bảo nội giáo đều thù thắng. Hình tướng Thập địa hơn kém có thể hiểu rõ, vì đây không đồng nên phải hỏi lại. Nếu không hỏi lại mà làm lời đáp, thì tùy theo lời nói hơn kém mà có vạy hỏi sinh lời hỏi, tức vạy hỏi dứt.

4. Mặc trí ký: Như hỏi: thật có tánh ngã là thiện là ác? Con của gái đá là màu đen hay màu trắng? Các lời hỏi như vậy nên im lặng mà ký, không nên ghi vì tăng trưởng hý luận.

Giải thích: Nên nói lời hỏi ấy đây không nên ghi, không hiểu lời hỏi ấy gọi là thâm ghi, chẳng phải quên hết ngôn từ gọi là mặc ký.

**Sớ:** “Đầu tiên tu tập” đến “ba trăm năm mươi”.

Từ ban đầu tu tập pháp đến bờ bên kia, cuối cùng phân bố pháp đến bờ kia, tính chung là ba trăm năm mươi pháp đến bờ ấy, mỗi mỗi đến giữa bờ ấy đều đủ sáu độ, ba mươi bảy đạo phẩm, sáu Ba-la-mật, tứ nhiếp, vô úy, mười lực, mười tám pháp Bất cộng, đều là ba trăm năm mươi pháp.

**Sớ:** Sáu vô nghĩa.

Đây là sáu trần v.v..., hữu tình đấm nhiễm mà không có nghĩa lợi, hoặc gọi là dục, hoặc gọi là lục suy, năng suy tất cả thiện pháp của hữu tình.

**Sớ:** Như trong Du-già nói nhân là bốn đại v.v...

Trong Pháp Uyển có nói đủ, nên ở đây không dẫn ra.

**Luận:** Khéo làm đời này đời khác thuận ích v.v...

Hỏi: Vả lại tu Lục độ ở hiện đời có khổ, xả bỏ hết tài, có khổ đói lạnh v.v... nhân đến tu tuệ đến máu chảy vỡ tim, tại sao nói hai đời lợi ích? Không khéo trái lại đây thành vạy hỏi cũng vậy?

Đáp: Có tên thiện ác tức thành tổn ích, lại ở chỗ khác lại có tổn ích, không chỉ đứng về tự mình, mà lại có thể họ xan tham mà trưởng dưỡng ở tham cũng gọi là ích tổn, cho nên nghĩa tổn ích hai đời cũng

thành.

**Sớ:** Như trong Tạp Tập thiện có mười ba.

Xét luận ấy quyển 3 ghi:

1. Tự tánh thiện: Nghĩa là tín v.v... mười một loại.
2. Tướng thuộc thiện: Nghĩa là pháp tương ứng.
3. Tùy trực thiện: Nghĩa là các pháp tập khí.
4. Phát khởi thiện: Là chỗ phát ra thân nghiệp ngữ nghiệp.
5. Đệ nhất nghĩa thiện: Là Chân như.

6. Sinh đắc thiện: Do tập quán trước sinh lại liền khởi không nhờ tư duy.

7. Phương tiện thiện: Thân gần bạn tốt tư duy mới khởi.

8. Hiện tiền cúng dường thiện: Là đối với Tam bảo phát khởi việc cúng dường.

9. Nhiêu ích thiện: Là do tứ nhiếp nhiều ích hữu tình.

10. Dẫn nhiếp thiện: Do bố thí, trì giới phước dẫn nhiếp sinh thiên hưởng dị thực v.v...

11. Đối trị thiện: Là nhằm hoại đối trị v.v... đối trị hai chướng.

12. Tịch tịnh thiện: Nghĩa là hằng đoạn phiền não tướng thọ diệt Hữu dư y Niết-bàn giới v.v...

13. Đăng lưu thiện: Nghĩa là người đã được tịch tịnh, do sức tăng thượng này cho nên phát khởi thắng phẩm thân thông, thế xuất thế cộng bất cộng công đức.

**Sớ:** Bất thiện có mười hai.

Xét luận ấy quyển 4 ghi:

1. Tự tánh bất thiện: Nghĩa là Dục giới ràng buộc không mặc tình khởi và mặc tình khởi năng phát ác hạnh tất cả phiền não.

2. Tương thuộc bất thiện: Nghĩa là phiền não tùy phiền não tương ứng pháp này.

3. Tùy trực bất thiện: Nghĩa là tập khí ấy.

4. Phát khởi bất thiện: Nghĩa là nó phát khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp.

5. Đệ nhất nghĩa bất thiện: Nghĩa là tất cả lưu chuyển.

6. Sinh đắc bất thiện: Nghĩa là do tập quán sinh lại tự khởi không nhờ tư duy.

7. Phương tiện bất thiện: Thân gần bạn ác, tư duy mới khởi.

8. Hiện tiền cúng dường bất thiện: Tương đối quy y tùy theo một thiên chúng sát hại, tà kiến kiến lập miếu thờ phát khởi việc cúng dường.

9. Tổn hại bất thiện: Nghĩa là ở tất cả chỗ khởi thân ngữ ý các loại tà hạnh.

10. Dẫn nhiếp bất thiện: Làm ác ba nghiệp dẫn không ưa dị thực.

11. Sở trị bất thiện: Nghĩa là các pháp đối trị sở đối trị.

12. Chướng ngại bất thiện: Nghĩa là hay chướng ngại các pháp thiện phẩm, như số chúng vân tập v.v...

**Sớ:** Vô ký có mười bốn.

Xét luận ấy quyển 4 ghi:

1. Tự tánh Vô ký: Nghĩa là tám sắc giới xứ ý tương ứng phẩm, mạng căn chúng đồng phần, danh cú văn thân.

2. Tương thuộc Vô ký: Nghĩa là hoại chẳng phải tâm uế tịnh, tất cả tên gọi, tên gọi sở nhiếp thọ tâm và tâm sở.

3. Tùy trực Vô ký: Nghĩa là tập khí hý luận.

4. Phát khởi Vô ký: Nghĩa là chỗ nhiếp các tâm tâm sở phát thân nghiệp ngữ nghiệp.

5. Đệ nhất nghĩa Vô ký: Nghĩa là hư không, phi trạch diệt.

6. Sinh đắc Vô ký: Nghĩa là các pháp bất thiện Hữu lậu thiện dị thực.

7. Phương tiện Vô ký: Nghĩa là phi nhiễm thiện tâm tất cả đường uy nghi, chốn công xảo.

8. Hiện tiền cúng dường Vô ký: Nghĩa là như có một người tưởng đối với quy y tùy theo một thiên chúng xa lìa ý sát hại ác tà kiến, mà kiến lập từ miếu phát khởi việc cúng dường khiến cho vô lượng chúng ở chỗ như vậy không sinh thêm phước phi phước.

9. Nhiêu ích Vô ký: Nghĩa là như có một người đối với nô bộc vợ con dùng chẳng phải tâm uế tịnh mà thật hành tuệ thí.

10. Thọ dụng Vô ký: Nghĩa là như có một người do không lựa chọn không có tâm nhiễm ô thọ dụng tư cụ.

11. Dẫn nhiếp Vô ký: Nghĩa là như có một người thợ khéo léo do tập quán, ở đời đương lai lại dẫn thân tướng như vậy, do thân này cho nên người thợ có thói quen khéo léo, mau chóng rất ráo.

12. Đối trị Vô ký: Nghĩa là như có một người vì trị tật bệnh được an lạc, do tâm lựa chọn ưa thích uống thuốc.

13. Tịch tịnh Vô ký: Nghĩa là sắc Vô sắc giới các phiền não v.v... Do Xa-ma-tha tiềm phục.

14. Đẳng lưu Vô ký: Nghĩa là biến hóa tương ứng cộng hữu, gọi là câu sinh phẩm, tâm, tâm pháp này, nghĩa là đùa giỡn nên phát khởi biến hóa là tánh Vô ký, nếu vì lợi lạc hữu tình phải biết là thiện.

**Sớ:** Năm thức không thể chuyển tâm phát nghiệp.

Xét luận ấy ghi: Nhân v.v... năm thức nghĩa là tùy ý thức chuyển, tùy thiện nhiễm chuyển, tùy phát nghiệp chuyển.

Giải thích: Tùy ý dẫn sinh tùy ý thiện nhiễm năm tịnh cấu chuyển, năm thức chỉ tùy theo phát nghiệp ý chuyển tự phi chuyển, chuyển nghĩa là phát khởi, tức nhân v.v... khởi phát nghiệp tâm. Tùy chuyển nghĩa là thế lực chuyển nghiệp tùy theo trước mà sinh, tức sát-na đồng khởi.

**Luận:** Có nghĩa sáu thức ba tánh không đồng thời.

Chuẩn theo luận Du-già giải thích bao gồm có ba nghĩa:

1. Năm thức chỉ có một sát-na, năm thức lại không đồng thời.
2. Tuy một sát-na năm thức được đồng thời khởi.
3. Năm thức được đồng thời khởi lại nhiều sát-na, cả ba đều không thừa nhận năm thức ba tánh đồng thời.

Có nghĩa trong sớ chỉ nương vặn hỏi ban đầu. Nay giải thích riêng rằng: Trong này chỉ nương pháp thứ hai, đã nói năm tánh không đồng thời, vì sao? Lại luận này trước sau không nói năm tánh không câu sinh. Lại trong Du-già ghi: Nếu khởi năm thức thì bảy thức đồng thời chuyển. Văn này các sư đều nói rõ, tại sao nói có năm thức không đồng thời? Lại ngay văn này nói nhân v.v... thức thành tựu thiện nhiễm là ất do ý dẫn, thừa nhận năm tánh đồng thời, sáu thức cũng nên như vậy, rõ biết tức thừa nhận năm thức câu sinh. Lại thứ hai vặn hỏi tâm chợt hiện, Đẳng lưu nhân v.v... năm thức, hoặc nhiều hoặc ít, nói chấp nhận câu khởi. Sư thứ nhất nếu không thừa nhận đồng thời, vì sao sư thứ hai lập vặn hỏi như vậy.

**Biện rằng:** Đã không rõ giáo, riêng giải thích lý thông, mà giúp giáo bài xích sớ, chưa thấy ai làm như thế cả. Trong luận Du-già giải thích ba nghĩa thừa nhận chẳng? Không thừa nhận làm sao dẫn? Thừa nhận tức vì sao mà chẳng phải trong sớ nói, vì thuận thứ nhất.

Lại luận này ghi: Du-già v.v... nói chuyển thức tương ứng ba tánh câu khởi y theo niệm nhiều, đây lẽ nào không phải đều kết hợp ba tánh và các thức đồng thời? Nếu nói chỉ có kết hợp ba tánh đồng thời cũng không đúng lý. Luận ghi: Tánh đồng thời nương niệm nhiều kết hợp, niệm nhiều kết hợp thức ấy đồng thời cũng đâu có lỗi gì? Tánh và thức đồng thời đều là luận ấy, kết hợp thừa nhận hay không thừa nhận? Giả sử văn này chỉ có kết hợp ba tánh, do tánh nêu bày thức cũng không trái, hướng lại nghĩa trong văn thông tánh thức, lại luận không nói năm thức không đồng thời, chứng minh lời sớ sai. Luận này chỗ nào nói năm thức đồng thời chỉ có một sát-na? Nên lấy nghĩa thứ hai là đúng. Luận

nói năm thức do ý dẫn thành thiện nhiễm, lý nào liền chứng năm thức đồng thời? Năm thức không đồng thời lẽ nào ngại ý dẫn? Nếu do trong văn nói năm thức liền chứng năm thức đồng thời, lẽ ra năm thức không đâu mà không đồng thời, vì nói năm thức. Kế nói Thức thứ sáu thông ba tánh, là căn cứ vặn hỏi, chẳng phải thừa nhận năm thức đồng phá tha Thức thứ sáu. Lại sư sau vặn hỏi nói chấp nhận đồng thời, hiển bày năm thức chẳng phải lúc này cũng như nhau, lựa chọn đồng thời khởi nên nói chấp nhận đồng thời, chẳng phải hiển bày sư trước thừa nhận năm thức đồng thời khởi nên nói chấp nhận đồng thời, do số này nghĩa lý không trái.

**Sớ:** “Trong Hiển Dương luận quyển 19” đến “câu sinh nhĩ”.

Liễu biệt định sở duyên v.v... là nhân thứ nhất, do câu sinh nhĩ thức này là nhân thứ hai, hiển bày định ý thức năng duyên định cảnh và phi định cảnh, nên nói các thức sở duyên cảnh, định cảnh pháp xứ. Các loại cảnh, là thông năm trần.

**Luận:** “Có nghĩa” đến “chấp nhận câu khởi”.

Hoặc nhiều hoặc ít số có hai giải thích, thứ nhất căn cứ niệm nhiều ít, thứ hai đứng về thức có nhiều ít, có nhiều ngăn ngại, vặn hỏi đủ như trong Nghĩa Đăng có biện đủ.

**Luận:** “Luận Du-già” đến “lúc sau mới xuất”.

Xét luận ấy ghi: Chẳng phải ngay định ấy tương ưng ý thức, mà không có chữ “duy”, chữ “duy” và chữ “tức” nghĩa có ít tương tự, ý luận này chứng không riêng ý lấy, đổi chữ “tức” thành chữ “duy” lại thiếu chữ “giả”. Lại trong số nói là người có hành cũng là thêm ý, văn khác đều đồng.

**Sớ:** “Nếu gặp tiếng mà duyên” đến “tức là nhĩ thức”.

Có nghĩa trong số có hai thuyết, nay giải thích riêng, từ định sau khởi nên tên gọi tán tâm từ định khởi.

**Biện rằng:** Đây cũng có thể như vậy. Nhưng luận đã nói: Sau mới xuất định, khởi thuộc về ở định, khởi ý, nhĩ thức nghĩa ý thâm sâu.

**Sớ:** Tán ý nhập xả.

Đây đáp câu hỏi trước bao gồm có hai giải thích, “tán ý nhập xả” đến “nhĩ thức ắt không sinh” là giải thứ nhất. Từ “hai giải thích tuy lại” đến “tánh ấy cũng thừa nhận có không đồng” là giải thứ hai. Căn cứ lời giải thứ nhất lại có hai ý: Một là nhập xả định, hai là sơ khởi định. Khởi định tức là khi sắp xuất định, hai thời này ý cùng nhĩ đồng duyên.

**Sớ:** Quyển 69 nói Dục giới có biến hóa v.v...

Đủ như trong Nghĩa Đăng có biện rõ.

**Sớ:** Bốn thức duyên oai nghi v.v...

Lược có ba giải thích, do oai nghi ấy phần nhiều nương đạo lộ nên được tên lộ.

1. Oai nghi tức là biểu sắc, thể của lộ có bốn trần, bốn trần là oai nghi ấy gá nương gọi là oai nghi lộ.

2. Oai nghi có bốn trần làm tánh, tức phát tâm kia gọi đó là lộ, vì oai nghi nương. Cả hai đều là Y chủ thích.

3. Bốn trần tổng gọi là oai nghi, cùng oai nghi sắc không lia nhau, là tâm sở nương gá tức gọi là lộ, đây là Trì nghiệp thích. Duyên oai nghi ấy là tâm của lộ đều là Y chủ thích.

Chốn công xảo cũng có ba giải thích, do vì công xảo ấy phần nhiều nương xứ sở mà thi thiết nên được gọi là chốn.

1. Công xảo nghĩa là thân, ngữ hai loại, thân xảo tức do tạo các điện đường, tăng trưởng các biểu sắc mà làm thể ấy, xứ tức biểu sắc, sở y sắc hương vị xúc làm tánh, nói ca hát hay tức do chỗ phát ra tiếng làm thể ấy, xứ tức ca v.v... làm sở y năm trần.

2. Bốn trần, năm trần gọi là công xảo, năng phát tâm ấy gọi đó là xứ, vì nó nương, cả hai đều là Y chủ thích.

3. Công xảo tức gọi là xứ, do bốn trần, năm trần là tâm sở gá nương, Trì nghiệp là tên gọi, duyên chỗ công xảo tâm đều là Y chủ thích.

